

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 51

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 24/07/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

<https://www.youtube.com/watch?v=nY8ypJPeFgs>

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

<https://www.facebook.com/suthaythichthientrang>

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận bài thứ 51. 50 bài trôi qua chúng ta học được rất nhiều vấn đề. Hôm nay chúng ta học bài 51, mời quý vị theo dõi phần nền tảng từ kinh luận.

Chớ Khinh Bốn Điều Nhỏ

(Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba Tư Nặc nghe Thế Tôn ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang đến ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Nghe vậy, Vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con nghe Thế Tôn tự ký thuyết đã chứng Vô thượng Bồ-đề mà mọi người đã loan truyền; điều này không phải hư vọng và nói quá chăng? Nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp chăng?

Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp chẳng? Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém chẳng?”

Câu chuyện này bắt đầu từ vua Ba Tư Nặc, ông nghe thấy đức Phật Thích Ca tự nói rằng mình đã thành Vô thượng Bồ-đề (tức là thành Phật). Nghe như vậy, ông cảm thấy là không biết có phải nói quá hư vọng hay không? Ông nghĩ như vậy chưa chắc ăn, [nên] phải tới để hỏi. Ở đây, ông hỏi mấy điều: ‘Nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận, không rơi vào chỗ yếu kém, chỗ phải chẳng’. Đức Phật trả lời như thế nào? Đức Phật nói là có mấy điều, tức là người ta tương truyền rằng là Ngài đã đắc Vô thượng Bồ-đề, Ngài cũng tự ký thuyết như vậy và người ta cũng truyền như vậy. Những lời của người ta nói có phải là như pháp, nói như thuyết và nói như tùy thuận không? Điều này có làm ảnh hưởng tổn thương đến đồng pháp (là những người tu theo pháp ngoại đạo) có bị như vậy không? Ở đây chúng ta thấy đức Phật trả lời rằng:

Đức Phật bảo Đại vương:

“Những điều họ nói như vậy là lời nói chơn thật, chẳng phải là hư vọng, nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp. Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp. Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém. Vì sao? Nay Đại vương, Ta nay thật sự đã đắc Vô thượng Bồ-đề.” (Đức Phật trả lời khẳng định chính xác là như vậy).

Vua Ba Tư Nặc bạch Phật: “Tuy Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng con vẫn còn chưa tin. (Chuyện này là do lúc đầu đức Phật mới thành đạo, nên ông ta chưa tin cũng là chuyện bình thường thôi. Ông lại nói rằng):

Vì sao? Vì trong đây còn có nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng, như Phú-lan-na Ca-diếp, Mặc-già-lợi Cù-xá-lê Tử, San-xà-da Tì-la-chi Tử, A-kì-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử. Những vị đó không tự tuyên bố đã chứng Vô thượng Bồ-đề. Sao Thế Tôn còn trẻ, tuổi còn nhỏ, xuất gia chưa bao lâu, mà lại tự nói chứng đắc Vô thượng Bồ-đề?”

Tức là thời đức Phật, có bảy vị tôn sư ngoại đạo rất nổi tiếng, toàn là những người lớn tuổi. Bấy giờ, đức Phật mới thành đạo chưa lâu, còn trẻ tuổi. Cho nên

vua Ba Tư Nặc nói là tại sao mấy người đó lớn tuổi như vậy mà lại không tuyên bố thành Phật, thành Vô thượng Bồ-đề. Còn đối với đức Phật, Ngài còn nhỏ tuổi, còn trẻ tuổi, xuất gia chưa được bao lâu, có mấy năm [tu] mà tại sao đã tự nói là chứng đắc Vô thượng Bồ-đề. Quý vị thấy, ngày xưa người ta cũng phân biệt lắm, tu là phải tu lâu, chứ không phải mới tu mà có thể thành Vô thượng Bồ-đề được. Lý do là như thế.

Đức Phật bảo Đại vương:

“Có bốn thứ tuy nhỏ, nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Vương tử Sát-lị (Ở đây [dịch] là Sát-lị, tuy nhiên chúng ta hiểu Sát-lị hay Sát-lợi cùng là một âm thôi), tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Rồng con, tuổi tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Đóm lửa tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Tỳ-kheo tuổi tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường”.

Ở đây có 4 điều không nên xem thường, đó là: (1) Rồng con (có chỗ gọi là rắn. Bên Kinh Pali, rồng, rắn giống nhau nên dịch là rắn), chớ có xem thường con rắn nhỏ; (2) Đóm lửa [tuy] nhỏ nhưng chớ xem thường; và ở đây (3) Tỳ-kheo [tuy] còn nhỏ nhưng chớ xem thường; ở trên là Vương tử tức là Thái tử (con của vua), tuy tuổi còn nhỏ nhưng không thể xem thường.

Trong bài kinh này đức Phật chưa phân tích kỹ (phân tích ở sau), nhưng vị Vương tử tức là con của vua, tuy là tuổi còn nhỏ nhưng không thể xem thường được. Bởi vì tuổi nhỏ nhưng lớn lên sẽ là vua, sẽ cai trị đất nước, thì quyền sinh sát sẽ lớn lắm. [Rồi] con rồng con tuy nhỏ, nhưng sau này nó biến hóa thành rồng lớn thì ghê gớm lắm. Đóm lửa tuy nhỏ, nhưng từ đóm lửa nhỏ đó sẽ cháy hết tất cả. Cháy lan thì sẽ chết hết, cháy cả khu rừng, hoặc là bây giờ cháy nhà cũng từ đóm lửa nhỏ. Và đức Phật nói thêm, ở trong Phật pháp, Tỳ-kheo tuy tuổi nhỏ nhưng chớ xem thường. Vì sao? Đức Phật sẽ giải thích đằng sau:

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Đủ hình tướng Sát-lợi,

Danh tiếng, dòng quý tộc;

Tuy tuổi còn trẻ nhỏ,

Người trí không thể khinh.

Tất sẽ ở ngôi vua,

Nhớ lại, sinh oán hại.

Cho nên khó thể khinh;

Phải sinh lòng đại kính.

Người khéo biết tự hộ,

Hãy giữ kỹ mạng mình;

Bình đẳng mà tự hộ,

Tránh xa để hộ mạng.

Ở đây thì chúng ta có thể nhớ đến một câu chuyện tiền thân, ở đây Thiện Trang chỉ kể vắn tắt thôi: Có một vị Vương tử (con của vua) đến vùng đó để học với một vị thầy. [Vương tử] này có một tội là trộm cắp, là lấy một ít đồ của người ta phơ để ăn. [Thì] bà đó mách với ông thầy, nên ông thầy liền đánh, chửi [vị Vương tử đó]. Cho nên vị Vương tử đó nhớ như vậy, nhớ trong lòng để sau này mình lên làm vua thì mình sẽ giết ông thầy đó, ổng nghĩ như vậy. Sau này đến khi lên [làm] vua, ổng nhớ lại [câu chuyện hồi nhỏ] như vậy, thì [trả thù] bằng cách là mời vị thầy đó đến và nói lại [chuyện] thời xưa đó: “Bây giờ ta tức lắm, nên ta muốn ra tay giết hại. Bữa nay ông đến đây rồi thì coi như không còn [đường sống nữa]”.

Người thầy đó mới nói là thời xưa đó, thật ra nếu tôi không dạy, không đánh thì chắc là từ tội trộm cắp nhỏ, dần dần sẽ thành trộm cắp lớn, sau này sẽ bị vua (cha của Bệ hạ) không tin tưởng để trao ngôi vua. Cho nên với những điều như vậy thì nhà vua nên nhớ ơn, không nên trách móc, thù oán như vậy. Quý vị thấy, tuy Vương tử lúc nhỏ như vậy, nhưng lớn lên làm vua thì quyền lớn lắm. Nên phải giữ bình đẳng, đừng để lớn lên họ thù oán mình.

Nơi làng xóm, chỗ vắng,

Nếu gặp rồng con kia;

*Chớ cho là rắn nhỏ,
Mà sinh lòng coi thường.
Mình rồng nhỏ nhiều màu,
Cũng nên để yên ổn;
Nam hay nữ khinh rắn,
Đều bị độc làm hại.
Cho nên, để tự hộ,
Hãy giữ kỹ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.*

Rồng nhỏ hay rắn nhỏ nhiều khi có độc đó. Đó là việc thứ hai, việc thứ ba là:

*Mãnh hoả khi xâm thực ,
Dù ít nhưng không hạn;
Đuốc nhỏ có thể thiêu,
Khắp nơi, nếu củi đủ.
Thiêu từ nhỏ dần lên,
Tận xóm làng thành ấp.
Cho nên, để tự hộ,
Nên như hộ mạng mình.
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để tự hộ.
Bị lửa dữ thiêu đốt,*

*Trăm thứ cỏ cháy rụi.
Tắt rồi, không co rút;
Lửa tắt cỏ lại sinh.
Nếu khinh hủy Tỳ-kheo,
Người giữ lửa tịnh giới.
Thì đốt mình, con cháu,
Tai nạn lưu trăm đời.
Như đốt cây đa-la,
Không bao giờ sinh lại.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.*

Quý vị thấy, điều thứ ba đức Phật nói là nếu khinh hủy Tỳ-kheo, người giữ lửa tịnh giới, thì là đốt mình và con cháu, tai nạn lưu trăm đời, như đốt cây đa-la, không bao giờ sinh lại. Cây đa-la là giống như cây cọ hay cây dừa, nếu mà chặt ngang, đốt rồi, thì nó cũng không sống nữa đâu, kiểu như vậy. Cho nên là phải tránh xa, hộ mạng, tức là đừng khinh hủy Tỳ-kheo.

*Đủ hình tướng Sát-lị,
Rắn con và đóm lửa;
Đủ tịnh giới, Tỳ-kheo,
Không nên sinh coi thường.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;*

***Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.***

Đức Phật nói kinh này xong, vua Ba Tư Nặc kia, nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

(Kinh 1030. Tam-Bồ-Đề - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị thấy, đây là những điều thường được đức Phật nhắc. Thực ra là có rất nhiều đạo lý nữa, nếu chúng ta phân tích ra. Có rất nhiều điều, nếu khinh thường từ những điều nhỏ thì có thể sẽ thành điều lớn. Việc ác nhỏ mà làm hoài thì thành việc ác lớn, nhân gian người ta nói vậy, thực ra cũng từ kinh này. Cho nên là không khinh thường một ai. Có những người học Phật pháp lâu rồi, nhưng có tính là khinh thường những vị Tỳ-kheo trẻ. Thật ra chúng ta đâu biết là ai tu nhiều hay ít. Nhiều hay ít không phải là tính trẻ hay già, mà tính là nhiều đời hay là ít đời. Ai tu được nhiều đời, nhiều kiếp thì người ta tu nhiều. Đời này người ta làm Tỳ-kheo trẻ [hay] Sa-di trẻ, mới nhỏ nhỏ nhưng thực ra đời trước người ta là Hòa thượng rồi, hoặc nhiều đời người ta tu tới đó rồi, sắp đắc đạo rồi. Còn người tu già khăng rồi, lên làm Đại lão, Trưởng lão, Hòa thượng, nhưng người ta tu chưa đúng Chánh pháp, người ta tu mới được đời này thì cũng bình thường thôi, đúng không quý vị? Cho nên không thể nhìn trên cái nhỏ như người thế gian. Đây là chúng ta hiểu bài kinh này [như vậy].

Đức Phật Dạy Nên Nguyện Như Thế Nào?

(Theo Kinh Trung A Hàm)

Thường thường không biết chúng ta nguyện điều gì, các đồng tu hay nói là hồi hướng hay nguyện gì? Thì hôm nay Thiện Trang dẫn [kinh] luôn, trong kinh đức Phật dạy nên nguyện như thế nào, để quý vị học. Đây là theo Kinh Trung A Hàm.

Tôi nghe như vậy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng Lâm, vườn Cấp-cô-độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo sống cô độc tại một nơi xa vắng, ẩn dật ở chỗ yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý nghĩ: “Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe để ta được giới Cụ túc (là giới Tỳ-kheo) mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh”.

Bấy giờ vào lúc xế, sau khi suy nghĩ như vậy rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền từ chỗ thiền tọa đứng dậy, đi đến đức Phật. Đức Thế Tôn nhìn thấy vị Tỳ-kheo ấy từ xa đi đến, nhân nơi Tỳ-kheo ấy, Ngài bảo các vị Tỳ-kheo:

1. “Các người hãy ước nguyện rằng: **‘Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe’**. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh.

Ở đây, đức Phật nói nguyện đầu tiên là mình hãy nguyện là: Đức Phật thăm hỏi mình, nói chuyện với mình, thuyết pháp cho mình. Giống như bây giờ mình nguyện là mình được vị Thiên tri thức che chở, thành tựu giới Cụ túc, tức là giới và tu thiền định (Thiền chỉ) và thành tựu được Thiền quán, và ở nơi không, tịnh. Chữ [không, tịnh] này dịch không rõ, chữ ‘không, tịnh’ này là không tịnh xứ. Chữ ‘không’ này không phải là không tịnh. Tại vì Thiên Trang không muốn sửa nên để vậy luôn. Tức là chữ ‘không’ là chỗ trống, chỗ vắng, là thanh tịnh. Dịch kiểu ngắn vậy thì mình tưởng không tịnh là không thanh tịnh. Chữ không này là ‘không tịnh xứ’, là chỗ trống không, trống trải, vắng vẻ; chữ ‘không’ không phải là không có, mà không là trống không.

2. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: **‘Ta có thân tộc. Mong cho họ nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn họ được lên chỗ lành, sanh vào cõi trời’**. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh.

Đoạn tiếp theo này cũng vậy, là hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh.

[Nguyện] thứ nhất, đức Phật dạy chúng ta nguyện là được Tam Bảo gia trì. Hồi đó có đức Phật, bây giờ thì không có, thì mình có Thiên tri thức.

Nguyên thứ hai, đức Phật cũng dạy là nguyện dành cho thân tộc, bà con, người thân của mình. Tộc là bà con, họ hàng; thân là người thân. Mong cho họ nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn được lên chỗ lành, sanh vào cõi Trời. Muốn như vậy thì phải tu Giới, Định, Tuệ. Là tu giới, tu Thiền chỉ, Thiền quán ở nơi không, tịnh.

Như vậy ở nguyện thứ hai vẫn cho phép nguyện cho gia đình mình, đúng không quý vị? Chứ [đâu] có bắt là không được nguyện đâu. Chúng ta học như vậy [để biết cách hồi hướng]. Nhiều đồng tu hỏi hồi hướng như thế nào? Mình hồi hướng theo tinh thần của bài kinh này. Đầu tiên là nguyện được Tam bảo gia trì, hộ trì. Bây giờ không có đức Phật thì mình cũng nguyện tương tự như vậy. Thứ hai là nguyện hồi hướng cho gia đình, cho thân tộc bà con.

3. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Các thí chủ cung cấp cho ta y phục, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, đủ mọi thứ để nuôi thân. Mong cho họ nhờ sự bố thí này mà có nhiều công đức, có đại quang minh, được nhiều phước báo’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh.

Điều thứ ba là nguyện cho thí chủ (những người hộ trì). Cho nên tại sao chúng ta có nguyện cho thí chủ (gọi là đàn na, tín thí) trong bài nguyện là cũng căn cứ vào đây. Muốn được như vậy thì cũng phải tu Giới, Định, Tuệ giống như trên. Những chữ đỏ là quý vị biết mình cần nguyện những gì.

Như vậy nguyện thứ nhất là nguyện Tam Bảo gia hộ, Thiện tri thức gia hộ. Nguyên thứ hai cũng gọi là nguyện, để có điều kiện tốt, nguyện cho thân tộc. Điều thứ ba là nguyện cho thí chủ, những người đàn na, tín thí của mình ủng hộ mình.

4. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng châm chích, sự áp bức của gió, của mặt trời; bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể nhẫn chịu; bản thân bị tật bệnh rất là đau khổ, cho đến mạng sống sắp tuyệt, các sự không được vui, ta cũng đều có thể kham nhẫn’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh. (Ở đây, điều thứ

tư là mình nguyện mình kham nhẫn được, nhẫn chịu được. Như vậy cũng một điều nguyện đúng không ạ?)

5. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta kham nhẫn được điều không làm cho vui. Nếu sanh tâm không vui, không bao giờ để dính trước’ (dính mắc). **Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh** (tức là tu Giới, Định, Tuệ), **ở nơi không, tịnh.** (Ở đây, chúng ta thấy điều thứ năm cũng là kham nhẫn, tức là đừng để nổi sân. Nói chung ở trên là kham nhẫn chịu đựng, còn ở dưới này là đừng có nổi sân. Đó là cũng nguyện như vậy).

6. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Nếu ta sanh khởi ba tâm niệm ác bất thiện: niệm dục, niệm nhuế, niệm hại; mong ta không bao giờ để đắm trước với ba niệm ác bất thiện đó’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh.

Như vậy, chúng ta thấy, điều thứ sáu đức Phật dạy, tất nhiên chúng ta có khởi tâm ác, bất thiện, lâu lâu cũng có khởi ham muốn gọi là niệm dục, sân nhuế và niệm ý hại người khác. Nếu có niệm như vậy thì cũng không đắm vào trong đó, tức là đắm trước, dính mắc vào trong đó, tức là niệm đó không lâu mà nó tan nhanh, cho nên tu Tứ niệm xứ đó. Chúng ta nguyện như vậy đúng không ạ? Nguyện mình làm được nhiều điều thiện.

7. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu và an trụ’.

Tương tự như vậy, ở đây đức Phật nói là phải mong, ước nguyện là mình chứng các tầng Thiền, ly dục, ly pháp ác bất thiện, tức là chứng Sơ thiền, rồi lên Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, ở đây nói chứng đến Tứ thiền. Nên nhiều người không học, cứ nói là thôi, không cần tu Thiền. Thực tế là đức Phật dạy lúc nào cũng tu Thiền chỉ. Nguyện thứ bảy là mong cho ta chứng được các tầng Thiền. Có ước nguyện như vậy đúng không ạ? Chứ không phải thời nay [có người dạy] dẹp hết, cho nên bây giờ tu hơi cực đoan là vậy đó. Người ta không biết, người ta không học kinh Phật thì không biết, lúc nào đức Phật cũng đề xướng quan

trọng là chứng các tầng Thiền. Lúc nào cũng có thành tựu Thiền chỉ (Thiền định) và Thiền quán.

8. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta dứt hẳn ba Kiết sử, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, không bị rơi xuống pháp ác, quyết định thú hưởng đến quả vị Chánh giác, tối đa còn bảy lần ở cõi Trời [Người]. Sau bảy lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không, tịnh.

Quý vị thấy điều này là nguyện chứng Tu-đà-hoàn. Quý vị thấy, đức Phật dạy nguyện chứng Tu-đà-hoàn. Cho nên thời nay nhiều người không có nguyện này, họ chỉ nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thôi. Quý vị thấy đức Phật dạy rất rõ ràng, trình tự đúng không ạ? Vẫn dạy nguyện chứng Tu-đà-hoàn. Cho nên quý vị thấy Thiện Trang nói mình nguyện ra khỏi sinh tử là quan trọng. Ở đây nguyện chứng Tu-đà-hoàn thì chắc chắn tương lai sẽ chứng, trước sau gì cũng ra khỏi sinh tử, tối đa bảy lần nữa thì chứng đắc khổ biên tức là hết khổ (biên tế khổ là hết khổ rồi).

9. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta đã dứt hết ba Kiết, làm mỏng dâm, nộ, si; chỉ còn một lần qua lại ở cõi Trời, cõi Người. Sau một lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên’.

Như vậy mình cũng mong, ước muốn chứng nhị quả Tu-đà-hàm đúng không? Ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi hết và bớt được dục (tham), bớt sân và si được một chút, thì chứng được Nhị quả. Cho nên cũng nguyện chứng Nhị quả đúng không quý vị? Quý vị thấy là vậy đó. Tức là chúng ta có thể nguyện giống như Phật dạy, học điều gì thì học, hãy học theo lời Phật dạy. Đừng có đại mà theo người đời nay, người ta cứ nói, rồi một hồi người ta nguyện điều gì đó, rồi mình cũng nguyện theo, toàn nguyện vô sinh tử, cuối cùng cũng đi đâu luôn. Cho nên hãy học theo Phật, đức Phật dạy hết rồi.

10. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta dứt hết năm hạ phần Kiết, sanh vào thế gian kia mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi không, tịnh.

Điều này là nguyên chứng Tam quả A-na-hàm. Đoạn được Năm Hạ phần Kiết [sử] thì chứng được Tam quả A-na-hàm, sanh lên [trời] Phạm thiên, ít nhất từ Sơ thiên cho đến Tứ thiên, các tầng trời đó. Sanh vào Ngũ Bất Hoàn thiên thì càng tốt, rồi không trở lại thế gian này nữa, chắc chắn chứng quả A-la-hán, giải thoát sinh tử.

Cho nên điều nguyên thứ 10 là nguyên chứng Tam quả A-na-hàm. Thiện Trang thấy có người dạy là đừng nguyên chứng quả, có người dạy như vậy. Nguy hiểm chưa? Dạy ngược lại với đức Phật, mà người ta chỉ dạy nguyên vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thôi. Như vậy là không đúng với lời đức Phật dạy, cho nên chúng ta hãy học theo Phật.

11. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc Vô sắc; với định như vậy, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, do tuệ quán mà đoạn trừ lậu hoặc và biến tri Lậu hoặc’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi không, tịnh.

Điều này là chứng quả A-la-hán, mà A-la-hán này là A-la-hán gì quý vị biết không? A-la-hán này mới chỉ có chứng được Tuệ giải thoát, hoặc là A-la-hán Tâm giải thoát. Ở đây chắc là A-la-hán Tâm giải thoát. ‘Do tuệ quán mà đoạn trừ Lậu hoặc và biến tri Lậu hoặc’ tức là chưa có năng lực gì ghê gớm, nhưng cũng mong chứng được ít nhất A-la-hán. Nói chung là [mong] chứng [được] A-la-hán, chưa được Câu giải thoát thì Tuệ giải thoát hay Tâm giải thoát cũng được.

12. Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong cho ta được Như ý túc, Thiên nhãn trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Các lậu đã dứt sạch, chứng đắc Vô lậu, Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng ‘sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi không, tịnh”.

Như vậy, điều cuối cùng là điều thứ 12, quý vị thấy đức Phật dạy gì? Nguyên là mình chứng A-la-hán Câu giải thoát, thậm chí có Như ý túc, có Thiên nhãn

thông, Tha tâm trí v.v... có hết. Như vậy những điều đó đức Phật đều dạy. 12 điều nguyện này chúng ta nên nhớ mà học theo đức Phật dạy. Những gì đức Phật dạy là chắc ăn, còn điều gì người ta dạy thì không chắc. [Quý vị] nên nhớ là người ta không bằng Phật được đâu.

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật. Do ẩn dật những nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật để đạt đến mục đích mà thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là đây chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng ‘sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Quý vị thấy vị Tỳ-kheo đó, sau khi hiểu được nguyện của mình tu như vậy, quý vị thấy là phải thường xuyên tự tu bằng cách thiền tọa tư duy, ở nơi ẩn dật, kiếm chỗ nào vắng vắng tu thiền tọa (tức là ngồi thiền), tư duy, tu hành tinh cần, tinh tấn, tâm không phóng dật là tâm không loạn, cuối cùng chứng quả A-la-hán. Nghe dễ quá ha! Mình thì thời nay tu khó quá. Tại vì sao? Thật ra kiến thức bây giờ mình học không chuẩn. Thứ hai là thời đại [bây giờ] nhiễu loạn. Thứ ba là môi trường. Thứ tư là mình tu cũng dở, căn tánh cũng tệ nữa, rồi dễ dao động tâm, người ta nói gì đó là chạy theo liền, chứ không có theo định trên Phật.

Quý vị thấy, giống như hôm nay có người hỏi: “Làm sao con biết được là con vào được Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối Pháp, bất hoại tịnh đối Tăng, thành tựu Thánh giới, tức là Tùy tín hành?” Thiện Trang nói địa vị Tùy tín hành thì quý vị chưa đủ trí tuệ để biết được là mình vào địa vị đó. Nhưng để [có] niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng thì quý vị có thể làm được. Bằng cách nào? Quý vị có thật sự tin Phật hay chưa? Có rất nhiều người nói tin Phật, nhưng không tin. Điển hình ở chỗ nào? Những gì đức Phật dạy mình không làm theo, mà mình hay làm theo người. Bây giờ quý vị học Phật pháp, nhưng có nhiều

điều người ta dạy không giống với Phật, nhưng mình vẫn tin người ta, chứ mình đâu có tin Phật đâu. Bao giờ mình tin Phật 100%, [tin] tuyệt đối mà, mình nghe điều gì đức Phật nói ra, dạy như vậy là mình biết rồi, mình sẽ thực thành theo. Chứ còn đây là mình vẫn còn vừa theo người này, [vừa] theo người kia, nghe người này, nghe người kia, thì quý vị chưa có bất hoại tịnh [đối] với Phật, Pháp, Tăng rồi, thì làm sao thành tựu được. Lý do là vậy đó!

Cho nên muốn thành tựu được Bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng thì cố gắng hãy nghe những gì Phật dạy, tin tưởng làm theo. Chứ còn thời nay người ta dạy nhiều điều trái với Phật lắm, giống như 12 lời nguyện vừa rồi. Để [Thiện Trang] đọc hết bài kinh này rồi [chúng ta] coi lại.

Đức Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 105 - Kinh Nguyện – Phẩm Thứ 10 của Kinh Trung A Hàm).

Ai có Kinh A Hàm thì mở lên coi. Bây giờ cũng có Kinh A Hàm đầy trên mạng đó. Có một kênh đồng tu tạo Kinh A Hàm, bữa nay có một trăm tám mươi mấy bài rồi. Bây giờ chúng ta coi lại 12 điều nguyện này là nguyện điều gì? Chúng ta lược lại để nhớ:

1. Nguyện là đức Thế Tôn (Phật) thăm hỏi, nói chuyện thuyết pháp cho mình. Tức là cầu nguyện Thiện tri thức [hộ trì] cho mình.
2. Nguyện cho gia đình thân tộc. Quý vị được phép [nguyện cho gia đình], đức Phật dạy mà.
3. Nguyện cho thí chủ, những người ủng hộ mình.
4. Nguyện cho mình có khả năng kham nhẫn, chịu đựng được hoàn cảnh.
5. Kham nhẫn được những điều không vừa lòng nghịch ý do môi trường mang lại. Nguyện này là do hoàn cảnh mang lại.
6. Nguyện cho mình ít khởi Tham, Sân, Si. Điều này do người mang lại.
7. Nguyện cho mình chứng các tầng Thiền.

8. Nguyên chứng Tu-đà-hoàn.

9. Nguyên chứng Tư-đà-hàm.

10. Nguyên chứng Tam quả A-na-hàm.

11. Nguyên chứng A-la-hán. [A-la-hán này] chưa có rõ ràng, có thể bị thoái chuyển. A-la-hán Tâm giải thoát hay sao đó.

12. Nguyên chứng A-la-hán một cách rõ ràng.

Mình nguyện như vậy. Đó là lời nguyện của Phật. Quý vị thấy có thắc mắc là sao không thấy nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc đâu hết? Quý vị thấy rõ ràng, chúng ta học theo [Kinh] A Hàm, trong đây không có nhắc tới Tây Phương Cực Lạc. Đó là cách nguyện. Ai đó mà tin Tây Phương Cực Lạc, thì thêm nguyện đó.

Bao giờ quý vị chứng Tu-đà-hàm thì quý vị mới biết. Còn bây giờ mình chưa chứng, thì cứ tu như vậy. Quý vị muốn tu như thế nào thì tu. Quý vị thực sự tin lời Phật thì quý vị coi kinh Phật. Như vậy đó là cách nguyện, chúng ta đã học được cách nguyện đủ rồi. Cho nên đức Phật dạy hết rồi. Thiện Trang nói: Tại sao trong kinh đã dạy hết tất cả rồi mà không chịu đọc kinh để thực hành, mà lại cứ theo người đời sau. Có đồng tu yêu cầu đăng lại. Được! Thiện Trang sẽ rút gọn lại 12 điều này, đăng lên một bài để cho quý vị coi, quý vị theo đó mà nguyện theo tinh thần đó. Như vậy cách nguyện cũng đã có rồi nha. Khởi nói!

Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về nghiệp:

Hiểu Thêm Về Nghiệp

(Trích từ Kinh Tăng Chi Bộ)

Đoạn này là trích thôi, nên để dấu.... Bài kinh dài nên Thiện Trang cắt khúc thôi.

...

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt được nói như vậy. Do duyên gì được nói như vậy? Đức Phật nói là cần phải biết các nghiệp, con đường đưa đến các nghiệp đoạn

diệt, tức là làm sao để đoạn diệt các nghiệp, thì đó là con đường đưa đến đoạn diệt các nghiệp.

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý. Chữ “suy tư” này chính là Tâm sở Tư, có người dịch ra là Tâm sở Tư. Tâm sở Tư là nghiệp, đây là định nghĩa đúng luôn trong Kinh Tăng Chi, chứ không phải chúng ta nói trong Vi Diệu Pháp không đâu. Sau khi suy tư tạo nghiệp về thân, về lời, về ý. Cho nên Tâm sở Tư của mình (chủ đích của mình) là nghiệp, suy tư là nghiệp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, xúc là các nghiệp sanh khởi. Tức là nghiệp sanh khởi là do gì? Do mình tiếp xúc, như mắt thấy sắc. Chúng ta học lộ trình tâm đó quý vị, thấy cảnh gì đó, thấy cái bóng đèn này trắng trắng, mình ghét màu trắng. Màu trắng đó không có tội lỗi gì cả, nhưng tại vì mình có tâm ghét màu trắng. Màu trắng là tượng trưng cho màu tang tóc gì đó, cho nên nhìn thấy màu trắng, trên màn ảnh quý vị nhìn thấy màu trắng, quý vị không thích, nên khởi lên tâm sân. Đó là suy tư về nghiệp, tạo nghiệp tâm, khẩu, ý là vậy.

Sân rồi thì sao? Mới là tâm thôi, rồi quý vị ra hành động là quý vị không thích coi cái này cái kia, hoặc là [quý vị] đập bể đồ màu trắng đó, nên tạo thành nghiệp. Cho nên tạo nghiệp thân, khẩu, ý hoặc là chửi mắng gì đó v.v... nên nghiệp từ đó mà ra.

Xúc tức là tiếp xúc, tiếp xúc qua mắt, tiếp xúc qua tai, tiếp xúc qua ngửi mùi hương, qua nếm vị, qua xúc chạm và qua ý suy nghĩ (pháp trần đó). Ví dụ quý vị nào tu Tịnh Độ, nghe thầy nào đó nói không có Tây Phương Cực Lạc là quý vị nổi sân lên, đó là tiếp xúc qua pháp, nghe âm thanh [rồi] chuyển qua ý nghĩ. Hoặc là không cần nghe gì hết, chỉ cần nhớ, tự nhiên suy tư: “Con đang tu Tịnh Độ, sao người ta giảng kỳ quá”, tự nhiên mình suy nghĩ vậy. Đó cũng là tiếp xúc về pháp, người ta giảng không khớp với mình là mình nổi sân lên, đó là do tiếp xúc, ý tiếp xúc với pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp sai biệt? Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đưa đến cảm thọ ở Địa ngục, có nghiệp đưa đến cảm thọ loài

bàng sanh, có nghiệp đưa đến cảm thọ cõi Ngạ quỷ, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới loài Người, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới chư Thiên. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là các nghiệp sai biệt.

Các nghiệp sai biệt là như vậy đó, quý vị thấy nghiệp sai biệt tức là đưa đến cảm thọ, là đưa mình vào các con đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Trời, Người, A-tu-la. Nói chung tất cả con đường là do nghiệp, nghiệp như vậy là sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp dị thực? (Chữ dị thực mình nghe hoài đúng không? #Thực là chín, #dị là khác; là chín khác nhau). **Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp dị thực: Ở ngay đời hiện tại, hay ở đời sau, hay ở một đời sau nữa.** Nay các Tỷ-kheo, đây là các nghiệp dị thực. (Các nghiệp dị thực là có thể chín không đúng lúc, khác lúc. Như ở đời hiện tại, có những việc mình làm thì đời này mình nhận quả báo luôn, nhưng có khi đời sau, hoặc là ở những đời sau nữa [mới nhận quả]. Đó là ba nghiệp dị thực, đức Phật nói rất kỹ. Quý vị thấy không? Những kiến thức này đức Phật nói hết, đâu có thiếu gì đâu. Cho nên đọc kinh là tự nhiên mình biết hết, đâu cần phải học nhiều vất vả, người ta nói vòng vòng).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? (Ở đây dịch như vậy hơi không rõ, [nghiệp đoạn diệt] tức là nghiệp để cho đoạn diệt đi) **Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt. Đó là Chánh tri kiến... Chánh định.** (Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Tám điều đó là con đường Thánh đạo tám ngành, đưa đến nghiệp đoạn diệt, tức là hết nghiệp). **Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy, rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai biệt như vậy, rõ biết các nghiệp dị thực như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các nghiệp đoạn diệt.**

(Trích từ Kinh (6.63) Pháp Môn Quyết Trạch: Nibbedhika (T 57, MA 111) – Kinh Tăng Chi).

Quý vị thấy rất rõ ràng, muốn dứt hết khổ thì phải tu theo Thánh đạo tám ngành, từ Chánh kiến đến Chánh định. Cho nên Bát chánh đạo rất quan trọng, thỉnh thoảng chúng ta cứ ôn lại, có bài [giảng] rồi đó, quý vị nên coi.

Hôm thứ hai, có đồng tu đưa ra câu hỏi rất hay, đó là: “Tại sao nghiệp tác hại đối với Thánh nhân thì quả báo lớn hơn so với phàm phu? Đó là tác hại. Còn nếu như mình tác động thiện, mình cúng dường cho phàm phu thì phước không bằng Thánh nhân. Tại sao như vậy?” Hôm nay Thiện Trang sẽ giới thiệu cho đầy đủ luôn vấn đề đó, chứ không là quý vị không hiểu. Ở đây chúng ta sẽ giải thích:

Kết Cấu Hoàn Chỉnh Của Nghiệp Theo Vi Diệu Pháp, Luận Thanh Tịnh Đạo

Ở đây, thật ra theo Vi Diệu Pháp thôi thì cũng đủ rồi. Trong Vi Diệu Pháp đưa ra kết cấu nghiệp gồm 5 điều như sau:

1. Chủ ý (Tâm sở Tư: cetana) – là yếu tố quyết định chính.

Quý vị hiểu không ạ? Mình mới học điều này thôi, còn mấy điều đằng sau nữa, chúng ta từ từ học, mình phân tích từng điều. Tâm sở Tư là thành phần chủ động, hướng tâm về một hành vi, quyết định thực hiện hành vi đó. Đây là cốt lõi của nghiệp, bởi vì nếu không có chủ ý thì không có nghiệp.

Giống như chúng ta dù có hành động gì bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, nhưng chỉ sanh nghiệp khi có ý định đứng sau đó. Ví dụ quý vị đi trên đường, quý vị đạp chết một con kiến, mà quý vị không có chủ ý, quý vị không có cảm giác gì hết, mà quý vị đi luôn, thì có tạo nghiệp không? Vì không có cố ý nên không tạo nghiệp, vì quý vị không có ghi nhận. Còn quý vị đạp lên nó, quý vị thấy nó nhưng do không cố ý, thì nghiệp xấu đó cũng có hình thành một chút, có nghiệp vô ý. Nghiệp vô ý thì mai một cũng có xảy ra.

Tất nhiên mình vô ý làm chết một chúng sanh thì cũng có nhân quả trong đó, chứ không phải không có nghiệp, nhưng nghiệp nhẹ lắm. Khi quý vị vô tình làm chết chúng sanh như vậy, tại vì chủ tâm của mình lúc đó đang là chủ tâm đi, chứ không phải chủ tâm giết con kiến. Thì sau này cũng vậy đó, nhiều khi có quả báo, thông thường không có quả báo nhưng cũng có thể có quả báo, vì đó là nghiệp bất định (Bất định nghiệp). Định nghiệp thì quả báo rõ ràng, còn đây là

Bất định nghiệp. Có thể lúc nào đó, mình cũng đang làm gì đó chơi chơi, tự nhiên hòn đá văng trúng mình, bánh xe ở đâu bay trúng mình, hay bị trúng cái gì đó v.v... Những nghiệp đó tác thành là do chú tâm mình lơ là, do không cẩn thận. Không cẩn thận mà giẫm chết con kiến, chứ không phải là nghiệp giết con kiến, cho nên khác [nhau]. Đó là Tâm sở Tư, chúng ta đã chia sẻ ở phần trước rồi. Điều này chúng ta để ý lại, chúng ta học.

2. Phẩm chất đối tượng (ārammaṇa) – tạo nền mạnh cho nghiệp.

Điều này quan trọng! Đối tượng là thế nào? Đối tượng mà quý vị tác động đó là đối tượng nào? Tức là đối tượng mà tâm mình hướng tới, tạo nghiệp đó. Ví dụ tâm mình có đối tượng, trong kinh nói có năm nghiệp nặng, trong đó có nghiệp: Giết cha, giết mẹ. Tại sao giết cha, giết mẹ thì nghiệp nặng hơn giết người khác? Bởi vì phẩm chất đối tượng theo quy chiếu đạo đức, rõ ràng cha mẹ có ân sâu với mình. Cho nên có người giết cha, giết mẹ thì nghiệp nặng hơn, quý vị hiểu không?

Cũng vậy, đối với Thánh nhân, Thánh nhân càng lớn thì nghiệp càng nặng. Đó là yếu tố gọi là phẩm chất của đối tượng bị tác động. [Vì] lý do đó mà đối với Thánh nhân thì bị như vậy. Đối với cha mẹ thì đã nặng rồi, còn đối với Thánh nhân thì nặng hơn chứ. Vì Thánh nhân có tính chất là có ảnh hưởng đến chúng sanh, đó là phước điền, là ruộng phước, v.v... Không phải chỉ cõi Người, mà cõi Trời còn nương vào nữa mà. Cho nên tác động đến Thánh nhân, phẩm chất đối tượng tốt thì quý vị sẽ gây nghiệp. Nếu nghiệp xấu thì tạo [nghiệp] xấu nặng (là trọng nghiệp), còn nếu như nghiệp tốt thì tạo nghiệp tốt mạnh hơn. Chúng ta hiểu được điều đó.

Đó là mức độ quan trọng, sự đáng kính, hoặc sự ghê sợ ảnh hưởng đến trọng lượng của nghiệp. Chúng ta hiểu được điều đó, như vậy là giải thích cho hôm bữa.

3. Sức mạnh tâm (citta-bala) – tùy tâm chánh/ tà, mạnh/ yếu.

Đây là sức mạnh của tâm lúc tạo nghiệp, lúc quý vị tạo nghiệp với thái độ mạnh mẽ, tập trung cao độ, thì nghiệp sanh càng sâu, càng bền, càng mạnh. Ví dụ như một người trong cơn giận giữ mà đánh người khác, thì nghiệp nặng hơn

là đánh người ta trong trạng thái không tức giận, đánh bình thường. Điều này thì rõ ràng!

Cho nên nghiệp kết trên 5 yếu tố, chứ không phải 1 yếu tố. Có chủ ý rồi, nhưng lúc này tâm mình có mạnh mẽ hay không, quá trời giận giữ thì nghiệp mạnh. Cho nên người làm với tâm bình thản, cứ đều đều thì nghiệp sẽ nhẹ xuống, cho những trường hợp tạo nghiệp xấu. Còn những việc cần mạnh mẽ tâm lên, dứt khoát lên [mà] quý vị làm nhẹ nhẹ thì nghiệp thiện của quý vị yếu, không mạnh. Cho nên phải hiểu để dùng tâm.

4. Tình huống (kammaṭṭhāna) – bối cảnh sinh hoạt hành vi.

Tình huống tức là ngữ cảnh, ngữ cảnh này thì Thiện Trang nói đó, có nhiều tình huống, ví dụ một người ăn trộm đồ ăn để ăn, để họ sống sót, vì đói khát quá, thì khác với ăn trộm vì lòng tham. Hai việc đó thì nghiệp của người ăn trộm vì khổ, đói khát quá, thì nghiệp nhẹ hơn nghiệp của người ăn trộm vì lòng tham. Cùng một hành động, như việc tà dâm ở các nước phương Đông thì nghiệp nặng hơn nghiệp tà dâm của các nước phương Tây, vì ở xã hội khác, quan điểm khác. Cho nên tình huống hay là bối cảnh sinh hoạt của hành vi đó, quý vị hiểu không ạ? Tùy theo quan điểm, nghiệp kết trên những yếu tố đó.

5. Quả báo (vipāka) – kết quả hiện tại hay tương lai.

Tức là nghiệp mình tạo ra làm quả báo ảnh hưởng đến hiện tại hay ảnh hưởng đến tương lai, ảnh hưởng như thế nào? Ví dụ việc quý vị làm đó chỉ ảnh hưởng lúc đó thôi, không ảnh hưởng lâu dài thì nghiệp nhẹ hơn. Còn quý vị làm nghiệp ảnh hưởng lâu dài thì nghiệp mạnh hơn, tính chất nghiệp nặng hơn, quý vị hiểu không ạ?

Trong Phật pháp là rõ nhất, có những người giảng không đúng Chánh pháp, dẫn chúng sanh đọa lạc, thì pháp người ta còn ảnh hưởng bao lâu thì tội người ta càng nặng bấy nhiêu, điều này rõ ràng. Ngược lại, nếu như người đó dẫn đi đúng đường Chánh pháp của đức Phật, thì pháp của người đó, khi người tạo nghiệp chết rồi, [nhưng] nghiệp người đó tạo tốt, nghiệp thiện hơn.

Cho nên tội phá hòa hợp Tăng trong Kinh Tăng Chi, đức Phật nói là bị nấu ở Địa ngục một kiếp. Ngược lại, người làm cho hòa hợp Tăng thì được hưởng thọ một kiếp trên cõi Trời. Quý vị thấy rõ ràng không?

Mà phá hòa hợp Tăng là gì? Trong những điều đức Phật nói mình cho là không nói, đức Phật không nói mà mình gán cho là đức Phật nói. Cho nên đời nay quý vị cẩn thận nha! Thiện Trang xin nhắc lại, có nhiều người đăng lên: “Trong Kinh A Hàm nói người chết trong mấy tiếng đồng hồ gì đó, thì nóng ở đâu, nóng ở đâu v.v...” Xin lỗi! Không có trong Kinh A Hàm, đừng gán cho Phật, coi chừng rớt vào tội phá hòa hợp Tăng đó nha, làm cho giáo pháp bị chia rẽ. Cho nên ai mà đăng điều đó, [thì] quý vị nhắc giùm cho họ, đừng đại như vậy. Kiểm ở đâu ra rồi gán cho Kinh A Hàm.

Về sau này, quý vị thấy rõ ràng trong đời chúng ta chứng kiến những điều như vậy. Cho nên Thiện Trang có thể suy ra tại sao hồi xưa người ta cứ gán cho kinh Phật nói. Bây giờ mình đầy đủ kinh, mình check [kiểm tra] không có, quá trời thứ luôn không có [trong kinh]. Tức là người ta rất là tùy tiện gán cho kinh này nói, kinh kia nói, Phật nói, rồi cuối cùng check đâu có đâu, một trời thứ không có trong kinh.

Cho nên từ đó cẩn thận nha, quý vị đăng gì thì theo nguồn chính xác, chứ đăng rồi cứ share [chia sẻ] qua, share lại, mai mốt mình cũng có tội nghiệp đấy. Ảnh hưởng đó không chỉ ở hiện tại mà có thể ở tương lai nữa, thì nghiệp nặng hơn. Tại vì sao? Người ta thấy như vậy, người ta tin như vậy. Đăng một bài trên Facebook thôi, nhưng người này share, người kia share, rồi tương lai người ta cũng share nữa, người ta vẫn tin. Có người không biết rồi cứ lấy vô. Giống như ChatGPT, nó cũng không biết, rồi cũng lấy vô, kêu Kinh A Hàm nói. Gặp mấy người huấn luyện kỹ thì mới loại ra được, còn không huấn luyện kỹ thì không loại ra được, cho nên nó sẽ lấy vô luôn. Thì lúc đó tội rất nặng, làm sai lệch Chánh pháp Như Lai. Cho nên nói Kinh A Hàm thì phải nói là ở bài kinh nào. Hôm nay rõ ràng hơn rồi nha!

Kết Cấu Hoàn Chính Của Nghiệp Theo Vi Diệu Pháp, Luận Thanh Tịnh Đạo: có 5 yếu tố:

1. Chủ ý (Tâm sở tư: cetana) – yếu tố quyết định chính.
2. Phẩm chất đối tượng (ārammaṇa) – tạo nền mạnh cho nghiệp.
3. Sức mạnh tâm (citta-bala) – tùy tâm chánh/ tà, mạnh/ yếu.
4. Tình huống (kammaṭṭhāna) – bối cảnh sinh hoạt hành vi.
5. Quả báo (vipāka) – kết quả hiện tại hay tương lai.

Chúng ta học kỹ như vậy thì mới hết được. Trong kinh tìm không thấy chỗ này, nên tìm trong Vi Diệu Pháp thì có rõ ràng.

Chúng ta sẽ đến một phần nữa là đức Phật dạy về thọ trì và công đức của Trai giới (Bát quan Trai giới) theo Kinh A Hàm. Hồi nãy là theo Kinh Tăng Chi (Kinh Nikaya), bây giờ chúng ta trở lại Kinh A Hàm.

Đức Phật Dạy Về Thọ Trì Và Công Đức Của Trai Giới

(Theo Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có nhiều người họ Thích đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Thích thị: (thị là họ; các Thích thị là các người dòng họ Thích).

"Này các người Cù-đàm! Vào ngày trai giới, và tháng thần túc, có thọ trì trai giới và tu tập công đức gì không?" Dòng họ Thích là bà con của đức Phật mà, đức Phật xuất phát từ đấy, cho nên đức Phật mới hỏi là vào ngày Trai giới, quý vị có thực hành pháp tu Bát quan trai không? Và ba tháng Thần túc: Tháng giêng, tháng năm, tháng chín có thọ trì Trai giới và tu tập công đức gì không? Đức Phật hỏi thôi, chứ không có bắt buộc.

Các Thích thị bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Chúng con vào những ngày trai, có khi giữ được trai giới, có khi không được. Vào tháng thần túc có khi giữ trai giới, tu tập mọi công đức, và cũng có khi không giữ được".

Giống chúng ta đúng không quý vị? Có nghĩa là những ngày Trai giới và tháng Thần túc thì có khi tu tập, có khi không; có khi giữ Bát quan Trai giới, tu tập mọi công đức, [nhưng] có khi không. Những ngày đó là nên tu. Họ cũng rất thật thà, chứ bây giờ gặp mình có khi mình chối luôn, mình nói: “Không con tu hết, đầy đủ” kiểu như vậy đó. Bây giờ đức Phật nói như thế nào?

Đức Phật bảo những người họ Thích:

"Này các Cù-đàm, các người sẽ không thu hoạch được lợi ích tốt (Quý vị nhớ nha! Các người sẽ không thu hoạch được lợi ích tốt). Các người là những người kiêu mạn, người phiền não, người ưu bi, người khổ não (đức Phật chê là người kiêu mạn, người phiền não, người ưu bi, người khổ não). Tại sao vào những ngày trai giới, có khi giữ được trai giới, có khi không được? Vào những tháng thần túc, có khi giữ được trai giới, tu tập công đức, có khi không được? Này các Cù-đàm! Thí như người cầu lợi, mỗi ngày mỗi tăng dần, một ngày một tiền, hai ngày hai tiền, ba ngày bốn tiền, bốn ngày tám tiền, năm ngày mười sáu tiền, sáu ngày hai mươi tiền. Như vậy, người ấy càng ngày càng tăng dần; tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng, tiền tài càng lúc càng lớn rộng phải không?"

Gia chủ bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đúng vậy".

Đức Phật bảo những người họ Thích:

"Thế nào, các người Cù-đàm! Như vậy, người tiền tài tăng lên dần, và tiền tài tự nhiên sẽ tăng rộng ra mãi; vậy lại muốn cho mình, trong vòng mười năm, chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không?"

Các Thích thị đáp: "Bạch Thế Tôn! Không".

Tức là đức Phật đưa ra một ví dụ so sánh với nhân gian. Ví dụ quý vị muốn làm giàu, quý vị càng ngày càng muốn giàu thêm, một ngày làm được một đồng tiền, hai ngày làm được gấp đôi, ngày nào cũng phải làm, làm càng ngày càng dồn thì được nhiều tiền hơn. Ý đức Phật chưa nói tới, nhưng đức Phật nói tiếp là: Muốn tu tập được nhiều an lạc, nhiều hỷ lạc, phần nhiều trụ thiền định thì có

được không, nếu mình không chịu tu giữ Bát quan trai. Nhiều người nói làm sao mà trụ thiền định được. Vì tu Bát quan trai ít quá mà! Há có được không? Người dòng họ Thích họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Không" (tức là không được). Tại vì mình muốn được mà lại không chịu tu.

Đức Phật bảo các Thích thị: "Hoặc là chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không?"

Thích thị đáp: "Bạch Thế Tôn! Không". (Những người dòng họ Thích họ nói cũng không được. Vì sao? Vì không tu).

Đức Phật bảo các Thích thị:

"Thôi, không tính năm. Liệu mười tháng, chín tháng, tám tháng cho đến một tháng, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không? Lại không tính tháng, mà mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không?"

"Bạch Thế Tôn! Không".

Vì sao? Có lẽ là thiếu tu Bát quan trai cho nên tu không vào. Nên nhiều đồng tu nói sao tu không vào thiền định. Thực tế là mình tu Bát quan trai không tốt, ít quá. Cho nên Thế Tôn nói luôn nguyên nhân.

Đức Phật dạy các người họ Thích:

"Nay Ta nói cho các người biết, trong hàng Thịnh văn của Ta, có người tâm ngay thẳng, không siểm trá, không huyễn ngụy, Ta đã giáo hóa người này mười năm. Do nhân duyên này, người ấy có thể trong vòng trăm, nghìn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định. Điều này chắc chắn là có.

Quý vị nghe cho kỹ nhé! Trong hàng Thịnh văn (Thanh văn) của đức Phật, thì có người tâm ngay thẳng, chánh trực, không siểm trá, không huyễn ngụy (tức là không dối trá) thì đức Phật dạy họ 10 năm. Do 10 năm đó mà họ trong vòng

trăm năm, nghìn năm, vạn năm họ luôn một mực được vui, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định. Có nghĩa là tu 10 năm mà được quả báo gấp 10 lần, trăm lần, được trăm nghìn vạn năm luôn, một mực hỷ lạc, được tâm vui, phần nhiều trụ thiền định. Cho nên tu có một chút thôi, 10 năm mà được như vậy. Chưa đâu! Đức Phật nói quả báo lớn hơn nữa nè:

"Lại nữa, thôi, không tính mười năm, mà chín năm, tám năm, cho đến một năm, mười tháng, chín tháng, cho đến một tháng; mười ngày, chín ngày, cho đến một ngày một đêm, nếu đã được Ta giáo hóa, thì đến sáng hôm sau họ có thể tiến bộ vượt bậc. (Có nghĩa là tu không cần nhiều tận 10 năm đâu, quý vị tu ít cũng được. Đức Phật mà giáo hóa là tu nhanh lắm, một ngày thôi hôm sau tiến hóa vượt bậc). **Sáng sớm đã được giáo hóa thì đến chiều tối, có thể tiến bộ gấp bội.** (Tiến bộ nhiều lắm, ngay trong ngày). **Vì nhân duyên này, nên trong vòng trăm, nghìn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, thành tựu hai quả: Hoặc quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm. Vì người này trước đó đã đắc Tu-đà-hoàn rồi".**

Quý vị thấy đã không? Tu có bấy nhiêu đó thôi mà chứng đắc Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Cho nên đức Phật dạy nhanh như vậy đó. Có nghĩa là có thể tu nhân trong một ngày, từ sáng đến chiều thôi mà được thành tựu lớn như vậy. Có thể được quả báo là niềm an vui rất là sâu xa, lâu dài, trong trăm nghìn vạn năm. Điều này là sự thật đó. Ví dụ có ông đó nghe pháp có một bữa thôi, ổng đi tu có một ngày thôi, mà khi chết được sanh lên trời Tứ Thiên Vương, đi vòng vòng trên đó. Trời Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi thiên, Tu Diệm Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, đi vòng vòng sáu tầng trời cõi Dục, suốt 60 kiếp không đọa đường ác, rồi cuối cùng chứng quả Bích-chi-phật. Quý vị thấy ghê chưa? Câu chuyện đó chúng ta kể hoài mà. Không phải một mình ông ấy đâu mà nhiều người như vậy nữa. Cho nên tu như vậy là thành tựu luôn.

Ở đây đức Phật nói đạt đến quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm luôn, vì người đó trước đã đắc Tu-đà-hoàn rồi. Cho nên học mà tu đúng thì mau đắc Tu-đà-hoàn lắm.

Những người họ Thích bạch Phật: "Lành thay! Thế Tôn! Từ hôm nay, vào những ngày trai, chúng con sẽ tu tập trai giới tám chi (Bát quan Trai

giới); vào tháng thần túc, cũng thọ trì trai giới, tùy sức mà bố thí, tu tập mọi công đức". Dòng tộc của Ngài hứa như vậy, họ phát nguyện như vậy, nói như vậy là họ sẽ tu. Còn trước đó là họ tu chơi chơi, có ngày tu, có ngày không.

Đức Phật bảo những người họ Thích: "Lành thay, các Cù-đàm, hãy làm những việc cần thiết". Quý vị thấy đức Phật không có bắt buộc, mà đức Phật chỉ nói những điều tốt đẹp thôi, họ thấy thì họ sẽ tu.

Đức Phật nói kinh này xong, những người họ Cù-đàm (họ Thích) nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

(Kinh 832. Thích Thị - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị thấy tầm quan trọng của Bát quan Trai giới, hôm nay học lại. Cho nên ai muốn tu thiền định, ai muốn được nhiều quả báo an lạc ở đời này và đời sau, ai muốn giải thoát sanh tử thì hãy cố gắng tu nhiều Bát quan Trai giới. Cho nên ráng tu, đức Phật khuyên đó.

Cho nên ngay trong đây cũng có khuyên là mấy tháng Thần túc tu như vậy đó, chứ đâu cần phải Đại thừa, kinh Bồ Tát Giới gì đâu. Quý vị thấy, bây giờ tu Bát quan Trai giới, riêng đồng tu Tịnh Độ đa phần là không có tu, cho nên rất là đáng thương. Thậm chí họ cứ nói câu Phật hiệu là đầy đủ Giới luật rồi. Đó là nói chống lại lời của đức Phật đó, chứ thật tế thì không có như vậy. Đức Phật lúc nào cũng khuyên tu Bát quan Trai giới.

Chúng ta đã học phần Kinh tạng xong, bây giờ chúng ta học đến phần Vi Diệu Pháp, phần Tâm. Bữa nay chúng ta học tiếp về:

B2. Tâm quả thiện Vô nhân (Ahetuka kusala vipāka citta) có 8.

Quý vị nhớ hôm bữa mình học Tâm quả Bất thiện Vô nhân không ạ? Thật ra nội dung là giống như nhau, không nhớ thì Thiện Trang nhắc lại luôn. Hôm nay là Tâm quả thiện Vô nhân, còn hôm bữa là bất thiện nha. Hôm bữa là bất thiện, bất thiện bữa nay đổi lại là thiện. Tâm quả thiện Vô nhân có 8.

+Định nghĩa: Tâm quả thiện Vô nhân sinh khởi chính là quả của Tâm đại thiện, hay là quả sanh từ 8 nghiệp đại thiện, trong đó có thấy, nghe,

ngủ, nếm v.v... những cảnh tốt nhưng là vô nhân. Hay là tâm quả do nghiệp đại thiện trợ tạo mà không có nhân tương ưng hợp, làm việc nhẹ nhàng yếu ớt tợ như cất nhà nhẹ chẳng làm móng.

Định nghĩa này, nếu quý vị học ở bài trước thì sẽ nhớ ngay. Bài trước mình học có 7 Tâm quả Bất thiện Vô nhân, nó là từ đâu ra? Nó chính là quả của 12 Tâm bất thiện. 12 Tâm bất thiện gồm: 8 Tâm tham, 2 Tâm sân và 2 Tâm si. 12 Tâm bất thiện đó tạo ra 7 Tâm quả, gọi là Tâm quả Bất thiện Vô nhân, là mắt ta thấy những cảnh xấu, tai ta nghe những tiếng không tốt, mũi ngửi mùi không ưa thích, lưỡi nếm vị không ưa thích, thân tiếp xúc những cảm giác không ưa thích, rồi sau đó nó tiếp nhận và suy xét. 7 tâm đó gọi là 7 Tâm quả Bất thiện Vô nhân. Sao gọi là Vô nhân? Vì nó không tương ưng với 6 điều: Tham, sân, si, và vô tham, vô sân, vô si. Thiện Trang nhắc lại định nghĩa hôm bữa, chắc quý vị nhớ rồi.

Cũng y chang như vậy! Hôm nay chúng ta học 8 Tâm quả thiện Vô nhân, đổi lại, thay vì ở trên là mình nhận quả bất thiện, thì nay là mình nhận quả thiện, quả tốt lành. Tức là chúng ta tạo quả bất thiện là 8 Tâm tham, 2 Tâm sân, 2 Tâm si, thì 12 tâm đó tạo ra quả xấu, ví dụ như mình vô tình thấy cảnh nhà hàng xóm chửi bới suốt ngày, cảnh xấu hiện ra, cây thì gai góc.

Còn nếu tạo tâm thiện, ở đây mình gọi là Tâm đại thiện (tâm này mình chưa học) sẽ tạo ra quả thiện, nên thấy cảnh đẹp. Cho nên mình thấy ở trên cõi Trời cảnh đẹp, rồi nhà sang, giàu có, đó là quả báo của nghiệp thiện, mình nói như vậy cho dễ. Từ từ mình sẽ học tới Tâm đại thiện là thế nào.

Ở đây mình thấy [Tâm quả thiện Vô nhân] sinh ra từ 8 nghiệp đại thiện. 12 nghiệp bất thiện, nhưng có 8 nghiệp thiện thôi, ở đây gọi là nghiệp đại thiện. Tại sao gọi là đại thiện thì sau này chúng ta [sẽ học], còn bây giờ chúng ta hiểu đó là 8 nghiệp thiện. Trong đó có thấy những cảnh ưa thích, nghe những tiếng ưa thích, ngửi mùi ưa thích, nếm vị ưa thích. Cho nên những người ít có quả thiện thì lúc nào cũng thấy khó chịu hết. Vì thấy không vừa mắt, thấy cảnh cũng xấu, ở [thì ở] khu nhà ổ chuột, nghe tiếng hát karaoke chửi mắng suốt ngày, lâu lâu mới trở quả thiện một chút thôi, còn quả bất thiện nhiều quá.

Vì Tâm quả thiện Vô nhân ít, Tâm quả Bất thiện Vô nhân nhiều nên thấy toàn cảnh xấu, nghe tiếng xấu, rồi ăn cũng không ngon. Người ta ăn món nào cũng ngon hết, vì sao? Vì đó là Tâm quả của Tâm thiện hay Tâm đại thiện, 8 nghiệp đại thiện trở ra như vậy. Cho nên không trách ai hết. Có nhiều người không biết nên trách người khác, kêu nào là không có ai nấu cho tôi ăn ngon, [thế] này [thế] kia. Xin lỗi! Thứ nhất là duyên của quý vị không đủ, thứ hai là quý vị không có phước, thật tế là do phước đó chính là quả mà ra. Nhiều khi người kia ăn gì cũng ngon, [đó là] Tâm quả thiện Vô nhân trở. Mình nói là vô nhân vì nó không tương ưng với tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si, cho nên gọi là vô nhân.

[Chúng ta] hiểu rồi đúng không ạ? Thiện Trang ôn lại, chứ không thì quý vị quên. Các đồng tu mau quên lắm, tại vì trí nhớ của mình không có tốt. Bình thường thôi! Tại vì càng lớn tuổi thì càng mau quên.

Ở đây Tâm quả thiện Vô nhân là làm việc nhẹ nhàng yếu ớt, tựa như cất nhà nhẹ chẳng làm móng. Ví dụ này đơn giản, chúng ta chỉ cần hiểu ý đó thôi. Hiểu là Tâm quả thiện Vô nhân này sinh ra từ 8 nghiệp đại thiện, tức là 8 nghiệp thiện ở Dục giới, hay 8 nghiệp đó [sanh ra] từ Tâm đại thiện. Và nó là vô nhân vì nó không tương ưng với tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si. Tức là mấy tâm này không có liên quan gì hết.

Tâm quả thiện Vô nhân có 8 tâm, hôm bữa mình học [Tâm quả Bất thiện] có 7 tâm, nay học có 8 tâm.

Tâm quả thiện Vô nhân có 8:	TT	Loại	Thọ (câu hành)
	1	Nhãn thức	Xả
	2	Nhĩ thức	Xả
	3	Tỷ thức	Xả
	4	Thiệt thức	Xả
	5	Thân thức	Lạc

	6	Tiếp nhận (Tiếp thâu)	Xả
	7	Suy xét (Thẩm tấn)	Xả
	8	Suy xét (Thẩm tấn)	Hỷ

Tâm quả thiện Vô nhân có 8, hoàn toàn giống như hôm bữa, giống y chang, chỉ đổi lại thôi. Hôm bữa có 7 tâm thôi, bữa nay có 8 lận, một tâm cuối cùng là khác, còn lại là giống, tương tự.

Nhãn thức tức là mắt, quý vị nhớ hôm bữa đều là thọ gì không? Nhãn thức là thọ xả, hôm bữa cũng là thọ xả, thấy cảnh tốt hay cảnh xấu gì, lúc đấy cũng là thọ xả, câu hành là thọ xả. Hôm bữa [chúng ta học] là mắt thì thấy cảnh xấu, tai nghe âm thanh xấu. Còn hôm nay đổi lại, là mắt sẽ thấy cảnh đẹp, ví dụ như [thấy] hoa đẹp.

Nhĩ thức là tai. Tai (Nhĩ thức) cũng thọ xả, nhưng nghe âm thanh hay. Rồi Tỉ thức, hôm bữa cũng là thọ xả thôi, nhưng mũi ngửi toàn mùi hôi, còn hôm nay là mũi ngửi mùi thơm. Cho nên lúc nào mà quý vị được ngửi mùi thơm là Tâm quả thiện đang trở, quý vị hiểu không ạ? Còn không thì dù là mùi thơm cũng trở thành hôi thôi, lấy ví dụ trái sầu riêng là rõ nhất. Trái sầu riêng là thơm hay thối? Có người nói thơm, có người nói thối. Có thể là do nguyên nhân không quen, hoặc là tâm thiện lúc đó đang trở quả thiện, gọi là Tâm quả thiện Vô nhân này trở ra, thì mình thấy thơm. Còn người kia do nghiệp nên thấy nó hôi rình. Vậy thôi! Vậy đều [là] thọ xả.

Thiệt thức là lưỡi nếm vị. Ở bài trước, Tâm quả Bất thiện Vô nhân thì [lưỡi] nếm vị không hài lòng. Điều này là rõ ràng nhất, nhiều khi có những món ăn mà mình ăn được, còn người [khác] thì ăn không được. Cho nên người mà ăn được nhiều món hơn là do Tâm quả thiện nhiều. Còn [người] có [nhiều Tâm quả] Bất thiện thì ăn được ít hơn, thông thường là vậy. Tại vì nhiều khi [nghiệp] trở quả xấu, cho nên người ta ăn thì thấy ngon hết, còn mình thì thấy [món ăn] dở, không

hợp khẩu vị. Mà càng nhiều món không hợp khẩu vị, [thì đó] là Tâm quả Bất thiện Vô nhân. Còn nếu mình ăn được nhiều [món] thì là Tâm quả thiện Vô nhân đang trở đó. Như vậy [Thiệt thức] cũng đều là thọ xả.

Thân thức thì hôm bữa học là thọ khổ đúng không? Bữa nay Thân thức là thọ lạc. Thọ khổ là vì khi quý vị chạm vô cái gì đó khó chịu là khổ liền, chứ không thể nói là thọ lạc được. Còn bữa nay là quả thiện trở ra, chạm vô cái gì êm êm, dễ chịu [thì] thọ lạc liền. Cho nên Tâm quả thiện Vô nhân về Thân thức (là Tâm quả Thân thức thiện Vô nhân) thì là thọ lạc, còn hôm [trước] là thọ khổ, khác nhau chỉ thế thôi.

Tiếp theo là Tâm tiếp nhận (tiếp thu) cũng là thọ xả. Hôm bữa [Tâm] suy xét (Thẩm tấn) cũng là thọ xả, [hôm nay Tâm suy xét (thẩm tấn) cũng thọ xả]. Giống y chang như hôm bữa, không khác gì hết, cho nên hai tâm này giống nhau, [đều thọ xả]. Nhưng hôm nay có thêm một tâm nữa, khác ở tâm thứ 8 này. Tâm thứ 8 là Tâm suy xét (Thẩm tấn) nhưng thọ hỷ. Tại sao lại có tâm thọ hỷ? Ở đây Thiện Trang sẽ kể lại, chúng ta từ từ sẽ giải thích tại sao là thọ hỷ.

Như vậy nếu ghi đầy đủ ra là:

+8 Tâm quả thiện Vô nhân:

1.Tâm quả Nhãn thức thiện Vô nhân thọ xả (Upekkhāsahagatam cakkuviññāṇam).

2.Tâm quả Nhĩ thức thiện Vô nhân thọ xả (Upekkhāsahagatam sotaviññāṇam).

3.Tâm quả Tỉ thức thiện Vô nhân thọ xả (Upekkhāsahagatam ghānaviññāṇam).

4.Tâm quả Thiệt thức thiện Vô nhân thọ xả (Upekkhāsahagatam jivhāviññāṇam).

5.Tâm quả Thân thức thiện Vô nhân thọ lạc (Sukhasahagatam kāyaviññāṇam).

6.Tâm quả Tiếp thu thiện Vô nhân thọ xả (Upekkhāsaḥagataṃ sampaticchana cittaṃ).

7.Tâm quả Thăm tẩn thiện Vô nhân thọ xả (Upekkhāsaḥagataṃ santīraṇa cittaṃ).

8.Tâm quả Thăm tẩn thiện Vô nhân thọ hỷ (Somanassasahagataṃ santīraṇa cittaṃ).

Có [6 tâm] đều thọ xả, chỉ có [một tâm] thọ lạc, [và] thêm một [tâm] thọ hỷ. Tại sao? Ở đây người ta giải thích luôn:

+Tâm quả Thăm tẩn (thăm tẩn tức là suy xét) thọ hỷ (somanassa santīraṇa citta) sinh khởi khi đối cảnh rất tốt và thọ xả khi đối cảnh tốt vừa đủ hay quá quen thuộc.

Nghĩa là đầu tiên khi tiếp xúc cảnh thì giống nhau. Quý vị thấy tiếp xúc với cảnh thì lúc nào cũng thọ xả hết, tại vì nó chưa nhận định được cảnh đó như thế nào. Ví dụ như quý vị thấy một hình ảnh gì đó, [chẳng hạn] Thiện Trang [cầm] một cái gì màu đen đen đưa lên. Lúc đầu là quý vị chỉ thấy thôi, thì cái thấy đó là Nhãn thức. Dù là cảnh xấu hay cảnh đẹp gì đó, [thì] quý vị cảm thấy đều là thọ xả cả. Rồi nó mới chạy tới cái Tâm tiếp thu (tiếp nhận), thì vẫn là thọ xả. Nhưng tới [Tâm] suy xét thì khác, nếu là cảnh bất thiện, ví dụ như màu đen là màu mà quý vị không thích, thì vẫn là thọ xả thôi. Nhưng đối với màu ưa thích (cảnh rất tốt), [tức là] tôi rất thích màu đen này cho nên có sự chú ý, hưng phấn khởi lên, vì thế tạo thêm một Tâm quả Thăm tẩn thọ hỷ.

Còn nếu như tôi trơ trơ ra, tôi thấy màu đen có gì đâu, bình thường mà. Cũng tốt, cũng thích, nhưng thích một cách bình thường, quen rồi có gì đâu, nhà tôi màu đen đầy mà, áo quần tôi cũng đầy màu đen, nên khi thầy đưa cái gì màu đen lên thì cũng không có gì hết. Nếu như vậy thì chỉ là thọ xả thôi, quý vị hiểu không ạ? Còn [6 tâm] kia lúc nào cũng thọ xả. Nhưng do cảnh cực tốt, tức là mình đối với [cái gì đó] rất ưa thích, tạo cảm giác mạnh, thì khi đó sẽ tạo thành tâm thứ 8. Tức là nó không tạo tâm thứ 7 mà tạo tâm thứ 8, là Tâm suy xét thọ hỷ.

Còn nếu như bình thường thì là thọ xả thôi. Cho nên xuất hiện thêm một loại nữa, một loại thôi. Nhưng trong giai đoạn lộ trình tâm, thì một trong hai tâm [thứ 7 hoặc thứ 8 xuất hiện] thôi, chứ không phải là hai thẳng này một lúc. Quý vị hiểu không? Đó là trong lộ trình tâm, tới giai đoạn tiếp nhận xong rồi suy xét hay đoán định (quyết định), nếu là cảnh xấu thì lúc nào cũng thọ xả. Còn nếu như cảnh tốt, mà cảnh tốt vừa hoặc là quen thuộc rồi thì cũng là thọ xả luôn. Còn nếu là cảnh cực tốt, cảnh quá ưa thích, ví dụ có người thích màu hồng, vừa nhìn thấy màu hồng thôi là hứng khởi lên rồi, thì đó là Tâm suy xét thọ hỷ, suy xét lúc đó là suy xét thọ hỷ. Bởi vì họ nhận định: A! Đây là màu hồng, màu tôi ưa thích, rồi [là] người ta thích. Đặc biệt mấy người bán xà bông gì đó, là thích màu hồng đúng không? Kiểu như vậy! Đó là người ta chọc, họ nói vậy thôi, chứ còn nhiều người thích màu hồng nhưng không phải bán xà bông nha.

Tức là nó tạo dư thêm một [tâm], bởi vì trong trường hợp cảnh cực tốt, thì có thể tạo ra Tâm suy xét (Thẩm tấn) thọ hỷ. Như vậy chỉ khác với 7 Tâm quả Bất thiện Vô nhân là có thêm một trường hợp này. Ở bài trước, chúng ta học thì chỉ có trường hợp trên là Tâm suy xét (Thẩm tấn) thọ xả thôi, nhưng ở bài này là do quả thiện, thiện mà cho cảnh rất ưa thích thì kích thích tinh thần lên, cho nên xảy ra trường hợp Tâm suy xét lúc đó là thọ hỷ. Quý vị hiểu rồi đúng không? Điều đó rõ ràng rồi nha.

Ở đây giải thích rõ hơn:

+Tâm thẩm tấn thọ hỷ bắt cảnh thiện tốt hơn thẩm tấn quả thiện thọ xả (tức là cũng bắt cảnh, nhưng cảnh tốt hơn thì sẽ xảy ra thọ hỷ. Còn nếu mà cảnh thiện vừa vừa thôi thì thọ xả), **cũng như người xét đồ gặp vật xấu hay tốt tâm thường thì chẳng đổi sắc. Nếu gặp đồ quá tốt thì phát ra trầm trồ đổi sắc mừng rỡ, vui thích, cho nên khi lộ ngũ** (là năm quá trình tâm ở trên, từ Nhãn thức... đến Thân thức) **phát sanh bắt cảnh rất tốt thì thẩm tấn phải thọ hỷ, vì thế Tâm quả thiện Vô nhân nhiều hơn Tâm quả Bất thiện Vô nhân một loại.** (Tức là [Tâm quả] Bất thiện Vô nhân chỉ có 7, còn [Tâm quả thiện Vô nhân] này có 8. Quý vị nhớ như vậy là được).

Người tiếp xúc với cảnh trái ý nghịch lòng là do bất thiện nghiệp (akusala-kamma) của chính người ấy trong quá khứ và tại thời khắc ấy

Tâm quả bất thiện (akusala vipāka citta) sinh khởi (ở đây nói đầy đủ là Tâm quả Bất thiện Vô nhân sinh khởi) **trong quá trình nhận biết.**

Trái lại, người mà tiếp xúc với cảnh vừa ý thuận lòng là do thiện nghiệp (kusala-kamma) của chính người ấy trong quá khứ và tại thời khắc ấy tâm quả thiện (kusala vipāka citta) (hay Tâm quả thiện Vô nhân) sinh khởi trong quá trình nhận biết.

Cho nên ‘cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu tại tâm ta’ là nói theo ý nghĩa này, quý vị hiểu không ạ? Tức là tốt xấu là do Tâm quả [của] mình hiện ra, cho nên mình tiếp xúc với cảnh đó. Đó gọi là do nghiệp.

+Do đó, có một đôi Nhãn thức (cakkhaviññāṇa), một đôi Nhĩ thức (sotaviññāṇa), một đôi Tỉ thức (ghānaviññāṇa), một đôi Thiệt thức (jivhāviññāṇa) và một đôi Thân thức (kāyaviññāṇa). Năm đôi này gọi chung là Ngũ song thức (dvipañcaviññāṇa).

Quý vị hiểu thế nào là đôi không? Tức là Nhãn thức thì có hai cái: Một là nhận biết cảnh xấu, [hai là nhận biết] cảnh tốt. Nhĩ thức cũng vậy, nhận biết cảnh xấu và cảnh tốt v.v... Cho nên tạo ra tất cả là năm đôi. Năm đôi, sau này người ta gọi chung là Ngũ song thức, quý vị biết như vậy là được rồi.

Đây này nói lý thuyết, bây giờ cho ví dụ để quý vị đỡ buồn ngủ.

VD1: *Lộ trình tâm theo sát-na tâm của một người phạm phu thấy cảnh tai nạn giao thông máu me nên khởi lên tâm sợ hãi.*

Thiện Trang xin nhắc lại ví dụ: Chúng ta hãy lập lại lộ trình tâm theo sát-na tâm của một người phạm phu (người thường), chứ không nói Thánh nhân, thấy cảnh tai nạn giao thông máu me nên khởi lên tâm sợ hãi. Quý vị hiểu ví dụ chưa? Ví dụ bây giờ rất thực tế, [ở] Việt Nam mình hay thấy. Tức là mình (phạm phu nha), đi ra đường thấy một cảnh tai nạn giao thông máu me quá trời, thì quý vị cũng thấy sợ hãi luôn, đúng chưa? Vậy bây giờ chúng ta hãy lập lộ trình tâm của người ta trong trường hợp đó. Bây giờ đầu tiên để giải thích cho dễ thì giải như thế này:

Tâm sợ hãi là tâm chính trong trường hợp này, còn cảnh thì từ từ chúng ta đọc sau:

Giải: Tâm sợ hãi là Tâm thiện hay bất thiện, và thuộc loại tâm nào trong những tâm đã học?

Bây giờ quý vị trả lời giùm đi. Tâm sợ hãi của người khi thấy tai nạn giao thông máu me, nói chung tâm sợ hãi là tâm thiện hay bất thiện và thuộc loại tâm nào trong những tâm chúng ta đã học rồi. [Quý vị] biết không? Tâm sợ hãi là tâm thể nào? Tâm thiện hay bất thiện? Tất nhiên là ai cũng nói là bất thiện rồi, tại vì sao? Vì nó là sợ hãi, thì không thể nào là thiện được hết, chắc chắn rồi. Vậy Tâm bất thiện là tâm nào? Thì chúng ta phải coi lại có bao nhiêu Tâm bất thiện. Mình học Tâm bất thiện có 12 thôi. Vậy tâm sợ hãi là tâm nào? Lục kiểm thử coi, tâm nào là tâm sợ hãi. Kiểm hoài không ra. Chúng ta học chưa kỹ. Đúng! Biết [đó là] Tâm bất thiện, nhưng tâm này là tâm nào? Cho quý vị [biết] luôn, giới hạn trong 12 Tâm bất thiện thôi. Chúng ta học 12 Tâm bất thiện gồm có: 8 Tâm tham, Tâm tham thì thọ hỷ hoặc thọ xả, hợp Tà kiến hay không hợp Tà kiến, và có trợ hay vô trợ. Cho nên 2x2x2 là thành 8 trường hợp. Rồi Tâm sân có 2 trường hợp là: Hợp phần nộ và vô trợ/ hữu trợ. Rồi Tâm si cũng 2 trường hợp. Tâm si thì thọ xả, hợp với phóng dật với hợp hoài nghi. Vậy[đó là] 12 Tâm bất thiện.

Mình học bất thiện có 12 tâm, mà trường hợp tai nạn thấy sợ hãi, hoặc bình thường cũng sợ hãi vậy, thấy sấm sét sợ hãi, hoặc cái gì đó làm sợ hãi, có nhiều sự sợ hãi. Như vậy đầu tiên là sợ hãi là tâm gì? Quý vị xác định được chưa? Nhiều người không biết đúng không? [Tâm] này không biết là đúng thôi, do bữa [trước] Thiện Trang giảng không có chia sẻ về chỗ sợ hãi [là thuộc] tâm gì, nên bây giờ không biết. Đáp án ở đây, tâm sợ hãi là tâm gì [thì] chúng ta coi:

Trong Vi Diệu Pháp, có 2 loại tâm sân (dosa-mūla citta):

- 1. Sân có phần nộ (sự ghét bỏ, giận dữ).** (Điều này thì mình học rõ này).
- 2. Sân có sợ hãi** (phản ứng trốn chạy, hoảng loạn, rút lui) (Trường hợp này).

Nên trường hợp này là Tâm sân, chứ không phải Tâm si nha. Tại vì sao? Thật ra Tâm tham là kéo về, lấy vô. Còn Tâm sân là đẩy ra, mà trường hợp này cũng là sợ hãi, đẩy ra nhưng đẩy ra không nổi, thì chạy cho rồi, trốn cho rồi, rút lui cho rồi. Quý vị hiểu không? Tương tự như thế. Tại vì mình không có phân tích trường hợp này trong mấy bữa trước, cho nên quý vị không biết, nên quý vị trả lời không đúng là đương nhiên thôi. Cho nên ở đây rơi vào đáp án là Tâm sân nha.

Đáp án: Tâm bất thiện, Tâm sân. Tâm sân trong trường hợp này là hợp với sợ hãi, chứ không phải hợp với phẫn nộ. Nhưng nó vẫn là thuộc Tâm sân, tại vì sợ hãi là Tâm sân nha. Thật ra nó cũng thuộc về sự ghét bỏ, sợ, né, trốn tránh. Cho nên thuộc về trường hợp này.

Từ [ví dụ] này, chúng ta mới lập lộ trình tâm cho trường hợp này thì mới được, chứ còn không, thì mình không biết tâm này là tâm gì. Cho nên bữa nay biết thế nào là Tâm sân rồi. Quý vị nhớ tâm sân là thọ gì không? Học phải nhớ. Tâm tham có hai loại thọ: Thọ xả và thọ hỷ. Thọ hỷ đối với cảnh tốt; còn thọ xả là bình thường, tham nhưng thấy bình thường, trơ trơ rồi. Còn Tâm sân là thọ ưu. Tâm si thì chỉ có thọ xả thôi.

Quý vị phải nhớ rõ ràng, mình học tới đâu chắc tới đó. Còn nếu quý vị không chắc thì bữa sau học, Thiện Trang dạy cho 121 tâm là quý vị như đám rừng luôn, mờ luôn. Nên mình học tới đâu mình nắm tới đó. Bữa giờ mình học có mấy tâm thôi, 12 Tâm bất thiện và 7 Tâm quả Bất thiện Vô nhân. Hôm nay học 8 Tâm quả Hữu thiện (tức là thiện) Vô nhân là 15 tâm. 15 với 12 là 27, [mình] học bấy nhiêu đó. Tại vì nó tương tự nhau nên không khó. Tâm quả Bất thiện Vô nhân và Tâm quả thiện Vô nhân giống nhau, chỉ thêm một trường hợp nữa thôi. Tức là Tâm đoán định (hay xác định) trong trường hợp cảnh thiện thì cho ra hai loại tâm. Tức là bình thường [Tâm quả Bất thiện Vô nhân] có một loại thôi, còn Tâm quả thiện Vô nhân có hai loại: hoặc là thọ xả, hoặc là thọ hỷ, cảnh tốt quá cho nên thọ hỷ. Vậy thôi!

Giống như Tâm tham, quý vị thấy có hai thọ, nhưng Tâm sân chỉ có một thọ thôi, Tâm si cũng có một thọ thôi, trong trường hợp do cảnh. Như vậy chúng ta học hiểu rõ ràng và nắm được rồi nha.

Bây giờ chúng ta [lập bảng] lộ trình tâm, để Thiện Trang ôn luôn cho quý vị nhớ. Lộ trình tâm trong trường hợp này như sau:

Lộ trình tâm như sau			
Sát-na tâm	Loại tâm	Diễn giải	Phân loại
...	Hộ kiếp (Hữu phần - bhavaṅga)	Tâm nền đang trôi chảy	Tâm quả Vô nhân
1	Hộ kiếp (Hữu phần - bhavaṅga)	Tâm nền đang trôi chảy	Tâm quả Vô nhân
2	Hộ kiếp (Hữu phần) bị chấn động (calana)	Đối tượng mạnh tác động	Tâm quả Vô nhân
3	Hữu phần chấm dứt (uccheda)	Chuẩn bị cho nhận thức	Tâm quả Vô nhân
4	Ngũ môn hướng (khai) tâm	Hướng về mắt	Tâm duy tác
5	Nhãn thức	Thấy hình ảnh tai nạn	Tâm quả Vô nhân
6	Tiếp nhận	Nhận đối tượng ấy	Tâm quả Vô nhân
7	Suy đặc	Suy xét sơ bộ	Tâm quả Vô nhân
8	Xác định	Xác nhận: “Đó là tai nạn!”	Tâm quả Vô nhân
9	Tốc hành (javana) 1	Khởi tâm sợ hãi (tâm sân + bhaya)	Tâm bất thiện (tâm nhân)
10	Tốc hành (javana) 2	Khởi tâm sợ hãi (tâm sân + bhaya)	Tâm bất thiện (tâm nhân)
11	Tốc hành (javana) 3	Khởi tâm sợ hãi (tâm sân + bhaya)	Tâm bất thiện (tâm nhân)
12	Tốc hành (javana) 4	Khởi tâm sợ hãi (tâm sân + bhaya)	Tâm bất thiện (tâm nhân)

13	Tốc hành (javana) 5	Khởi tâm sợ hãi (tâm sân + bhaya)	Tâm bất thiện (tâm nhân)
14	Tốc hành (javana) 6	Khởi tâm sợ hãi (tâm sân + bhaya)	Tâm bất thiện (tâm nhân)
15	Tốc hành (javana) 7	Khởi tâm sợ hãi (tâm sân + bhaya)	Tâm bất thiện (tâm nhân)
16	Na cảnh (Đồng sở duyên - tadārammaṇa) 1	Duy trì hình ảnh ấy thêm chút	Tâm quả hữu nhân
17	Na cảnh (Đồng sở duyên - tadārammaṇa) 2	Duy trì hình ảnh ấy thêm chút	Tâm quả hữu nhân
...	Hộ kiếp (Hữu phần) trở lại	Trạng thái bình thường nếu không có đối tượng mới	Tâm quả Vô nhân

Cột thứ nhất là sát-na tâm, [cột] thứ hai là loại tâm, [cột] thứ ba là diễn giải và [cột] thứ tư là phân loại. Bữa nay chúng ta cố gắng phân loại.

Đầu tiên để vẽ vào lộ trình tâm, quý vị nhớ dòng sát-na đầu tiên, thường người ta vẽ tâm gì [mà] lúc nào nó cũng chạy? Phải nhớ là Tâm hộ kiếp nha! [3 Tâm hộ kiếp] này mình học rồi [giờ] nhắc lại, lộ trình tâm thông thường lúc nào [cũng] là 1;2; 3. Đầu tiên khi không làm việc gì, tức là không chú ý tới cảnh, không suy nghĩ, không gì hết, thì nó sẽ chạy gọi là dòng Tâm hộ kiếp (tâm này là bhavaṅga), tiếng này mình không cần biết, mình chỉ cần biết là Tâm hộ kiếp. Có sách gọi là Hữu phần, thì Hữu phần hay Hộ kiếp cũng như nhau. Tâm này là khi mình đi đầu thai bằng tâm nào thì sau khi sát-na đầu thai đó xong thì nó trở thành Tâm hộ kiếp. Tâm này là tâm nền đang trôi chảy và loại này mình chưa học, nhưng nó cũng là Tâm quả Vô nhân, là một loại Tâm quả.

Đầu tiên là Hữu phần này chạy. Khi bắt đầu cái gì, quý vị nhớ 3 sát-na đầu tiên thông thường là như vậy:

Sát-na 1 Hộ kiếp (Hữu phần - bhavaṅga): tức là trước đó có thể là Tâm hộ kiếp chạy thế nào không biết, nhưng thông thường thường là vậy. Hữu phần là tâm nền đang trôi chảy.

Rồi loại tâm, bữa nay mình học Tâm nhân, Tâm quả rồi đúng không? Mình xác định đây là Tâm quả Vô nhân, nó cũng lọt vô Tâm quả.

[Sát-na 2] Hộ kiếp (Hữu phần) bị chấn động (calana): tiếp tục là hữu Hộ kiếp bị chấn động, tức là có đối tượng tác động mạnh. Lúc này là nó thấy cảnh tai nạn giao thông, nó gây ấn tượng đó để tác động mạnh, bắt đầu nó hướng chú ý tâm bị tác động. Thì Tâm hộ kiếp này dừng lại để nhường cho việc kia làm. Tâm này vẫn là Tâm quả Vô nhân. Tại vì nó không có liên quan gì đến tham, sân si trong này, nên gọi là vô nhân. Và nó là quả, chứ nó không tạo [nhân] cho ai hết.

[Sát-na 3] Hữu phần chấm dứt (uccheda): tức là tạm dứt dòng hộ kiếp này để nó nhường lại cho những tâm khác hoạt động, gọi là tâm Hữu phần chấm dứt hay là chấm dứt Hữu phần, dứt dòng, để chuẩn bị cho sự nhận thức. [Tâm này] cũng là Tâm quả Vô nhân luôn.

Nói chung mình biết vậy thôi, chứ còn mình chủ yếu là nhớ ba [Tâm hộ kiếp đầu tiên]. Về Tâm hộ kiếp này thì quý vị nhớ: Khi người ta làm việc, những tâm này lúc nào cũng dừng lại để nhường cho sự nhận thức, dừng suy nghĩ một cái là nó chạy về [Tâm hộ kiếp] liền.

Cho nên ở trong đời, tại sao có những người suy nghĩ nhanh, học nhanh, còn có người thì suy nghĩ chậm, suy nghĩ hoài không ra, là tại vì sao? Chính là [do] dòng Tâm hộ kiếp này chen vô nhiều quá. Tức là lúc nào quý vị cũng trả về trạng thái hộ kiếp, lúc nào trả về Tâm hộ kiếp. Vừa suy nghĩ một chút đã trả về [Tâm hộ kiếp], do nó chen vô liên tục thành ra suy nghĩ của mình bị chậm. Quý vị hiểu không ạ? Những người suy nghĩ chậm là do tâm này chen vô nhiều quá. Vì sao tâm này nhiều? Có nhiều lý do, lý do đơn giản là do nghiệp trong đời quá khứ, nghiệp đời quá khứ mình tu tập không tốt, nghiệp nặng.

Thứ hai là đời này mình thiếu tu thiền định, đặc biệt là thiếu tu Thiền chỉ, Thiền quán. Thiền chỉ giúp Tâm hộ kiếp này bớt lại để các tâm khác chạy, [thì] tâm nhận thức sáng suốt hơn. Cho nên tại sao quý vị tu Thiền chỉ thì quý vị phát hiện ra rằng: Mình tu Thiền chỉ một thời gian thì các căn của mình nhạy hơn, như nghe âm thanh rõ ràng hơn xưa, mắt mình sáng hơn đúng không ạ? Ai tu

Thiền chỉ thì biết liền, dù có vô định hay không vô định thì cũng thấy được điều đó. Ai vô định càng sâu thì càng thấy rõ như vậy.

Điều đó là do gì? Thực tế khi mình tu có sức Thiền, có sức định, thì các dòng Tâm hộ kiếp này bớt chen vô, mà nó nhường hoàn toàn cho những tâm về lộ ý môn, lộ cảnh môn, tức là nó nhận thức về cảnh. Bởi các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chạy liên tục, vì vậy nó không trả về Tâm [hộ kiếp] này. Nó ít trả về bao nhiêu thì sự nhận biết của mình sáng bấy nhiêu.

Còn ví dụ như quý vị mờ mờ, quý vị ngồi một hồi, ví dụ như khi ngủ, tại sao chúng ta không nhận thức được đối tượng? Vì lúc nào nó cũng chạy về Tâm hộ kiếp rồi. Nên đang buồn ngủ, mình nghe pháp mà mình buồn ngủ, thì sát-na tâm trước đó là nghe tiếng của thầy, mấy sát-na tâm luôn, làm một loạt lộ trình tâm trước [là] nghe, nhưng vừa đó là nó chạy vô Tâm hộ kiếp mất rồi, làm một mớ Tâm hộ kiếp. Cho nên lúc đó có nghe được gì đâu, thành ra ngủ mất tiêu, quý vị hiểu không? Đó là một dạng gọi là Tâm hộ kiếp nhiều quá.

Nhưng cũng có trường hợp tất nhiên người ta phóng dật, người ta nghĩ những chuyện khác, đó là do người ta không có định, người ta không có chú tâm được, người ta phóng dật. Còn việc buồn ngủ là như vậy. Quý vị hiểu chưa? Cho nên tại sao có những người rất lạnh lẽ, thông minh, theo thế gian suy nghĩ cái gì cũng nhanh nhẹn? Vì họ tập trung tâm được, Tâm hộ kiếp ít chen vô, gọi là Hữu phần ít chen vô. Hôm bữa, ở bài nào đó Thiện Trang có nói Hữu phần là gì, đợi bữa sau. Thì hôm nay giải thích rồi đó nha, chính là Tâm hộ kiếp.

Cho nên dòng suy nghĩ của mình có nhiều Tâm hộ kiếp chen vô thì càng tệ hơn, cứ hết 17 sát-na tâm xong, thì Tâm hộ kiếp lại chen vô, chen vô, là không ổn. Còn nếu như [Tâm hộ kiếp] ít chen vô, thì nó liên tục suy nghĩ, liên tục suy nghĩ, liên tục giải quyết tình huống, thì nó cập nhật cảnh liên tục, đó gọi là có niệm, niệm của quý vị mạnh.

Cho nên rất rõ ràng nha! Học Vi Diệu Pháp rõ lắm. Như vậy, ai muốn Tâm hộ kiếp ít bị chen vào, tức là suy nghĩ nhanh, suy nghĩ tốt, học giỏi v.v... thì cố gắng tu Thiền định. Thiền định càng mạnh thì sẽ tốt, ít Tâm hộ kiếp (Hữu phần) chen vào. Nhưng lúc thông thường thì nó như thế này.

[Chúng ta] tiếp tục, đó là Hữu phần chấm dứt và chuẩn bị cho nhận thức.

[Sát-na 4] Ngũ môn hướng (khai) tâm: Tâm này mình chưa học, gọi là Ngũ môn hướng tâm. Tâm này mình lát nữa mình học sau, gọi là hướng tâm hay là khai ngũ môn (hướng hay khai thì cũng vậy). Chỗ này có thể ghi là khai cũng được nha, Ngũ môn hướng (khai) tâm.

Lúc này là do mình thấy cảnh tai nạn giao thông máu me, cho nên nó hướng về đâu? Thấy cảnh là hướng về mắt. Tức là bây giờ nó điều tâm mình hướng về mắt, để mắt làm. Tâm này là Tâm duy tác, tức là tâm này chỉ có làm việc thôi, chứ không có tạo ra quả gì hết, cho nên gọi là Tâm duy tác. Tâm duy tác và Ngũ môn hướng tâm thì mình chưa học, chỉ giới thiệu thôi.

Đó là sát-na tâm thứ tư là Ngũ môn hướng (khai) tâm, cụ thể ở đây là khai nhãn môn luôn.

[Sát-na 5] Nhãn thức: ở trên là hướng về Nhãn thức để mắt bắt đầu làm việc. Bây giờ Nhãn thức làm việc, là thấy hình ảnh tai nạn. Thấy hình ảnh nạn là Tâm quả thiện hay là bất thiện? Chưa chắc đúng không? Mình cũng chưa biết nữa, nhưng thấy cảnh xấu là bất thiện rồi đó. Nhưng thôi, chúng ta tạm qua Tâm quả Vô nhân.

Sát-na tiếp theo là Tâm tiếp thọ (tiếp nhận).

[Sát-na 6] Tiếp nhận: Quý vị có nhớ mấy sát-na ở trên là Tâm tiếp nhận hay tiếp thọ đó. Thôi mình ghi tiếp nhận đi cho rõ, nói Tiếp thọ, nhiều từ ngữ, rồi quý vị không biết tìm ở đâu ra. Tâm tiếp nhận tức là nhận đối tượng ấy, tức là nhận lấy cảnh tai nạn. Nhưng mới nhận thôi, chưa suy xét.

[Sát-na 7] Suy đạc: Suy đạc là Tâm suy xét (Thẩm tấn) ở trên [7 Tâm quả Bất thiện Vô nhân, trong lộ trình tâm]. Lúc này nó mới suy xét (suy đạc). Nó mới suy xét sơ bộ thôi, vẫn là Tâm quả Vô nhân.

[Sát-na 8] Xác định: ở trên là tiếp nhận, rồi đến Tâm suy xét, rồi đến xác định. Thì xác định này là mới bắt đầu xác định, Tâm thẩm tấn đó. Hai tâm này [Tâm thẩm tấn] giống nhau đúng không? Gần giống nhau. Một tâm là xét sơ, còn một tâm thì xét kỹ, vòng 1, vòng 2. Thì xác nhận đó là tai nạn. Đó vẫn là Tâm quả

vô nhân. Và cảnh lúc này là cảnh xấu đúng không? Vậy nó chỉ có thọ xả thôi, chứ không rơi vào thọ hỷ được.

Tức là nếu là cảnh tốt đẹp, thì sẽ xảy ra: hoặc là tâm thứ bảy (thọ xả), hoặc là tâm thứ tám (thọ hỷ). Nhưng trong trường hợp ở bài trước, thì quả bất thiện này chỉ có một trường hợp thôi, chứ không có hai trường hợp. Tức là Tâm [thẩm tấn] này có hai trường hợp, trong trường hợp thiện thì chia ra làm hai tâm; còn trường hợp bất thiện thì chỉ có một thôi.

Như vậy chúng ta hiểu rồi đúng không? Tiếp theo từ sát-na thứ 9 trở đi thì bắt đầu chạy vào tâm gọi là Tâm tốc hành, là tâm tạo nghiệp đó.

[Sát-na 9 -15] Tốc hành (javana): Tâm tốc hành (javana) từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, thông thường là 7, thì bắt đầu tạo ra khởi tâm sợ hãi. Đây là chúng ta đã xác định đó là tâm sân cộng với sợ hãi. Đây là tâm bất thiện, và tâm này là Tâm nhân. Tại vì nó tạo ra nhân liên quan đến tham, sân, si, cho nên là Tâm nhân. Và bao nhiêu nhân thì chúng ta từ từ học sau, bây giờ chúng ta biết vậy thôi.

Rồi tiếp tục nó lặp lại như vậy 7 lần, như vậy khởi sợ hãi [7 lần]. Thật ra là mình đã sợ hãi tới 7 lần ở trong đó. 7 tâm sợ hãi chạy luôn một vòng. Và 7 tâm này tạo ra nghiệp sợ hãi, mai mốt đầu thai bị đọa là do tâm này nè. Từng sát-na tâm này tạo ra một quả báo. Quả báo sợ hãi về sau, sau này thấy cảnh là sợ hãi, rồi quả báo gì đó, cho nên sau này đọa vào gì đó là do tâm xấu này. 7 [sát-na tâm Tốc hành] này tạo ra [quả báo], kết nghiệp là nằm ở đây, cho nên gọi là Tâm nhân. Mấy tâm kia là Tâm quả, nó nhận kết quả thôi.

[Sát-na 16, 17] Na cảnh: Hôm nay Thiện Trang để chữ Na cảnh. Thật ra là nó duy trì lại cảnh đó, bữa trước mình để là chữ dư âm đó, quý vị nhớ không ạ? Cảnh vẫn còn, vẫn còn dư âm để lại, thì [sát-na] 16, 17 có khi chỉ có một cái thôi, nhưng thông thường là hai cái. Hai sát-na tâm này là nó còn dư lại, nó duy trì hình ảnh ấy thêm một chút nữa. Tâm này cũng là Tâm quả, nhưng Tâm quả này là Tâm quả Hữu nhân (chúng ta chưa học). Những tâm này [Na cảnh] chúng ta chưa học, nhưng nó duy trì cảnh, tại vì nó liên quan tới tham, sân, si mà, nên là có nhân.

Hộ kiếp (Hữu phần) trở lại: Như vậy cuối cùng trở lại Tâm hữu phần. Thật ra đây là nó qua lộ trình tâm tiếp theo rồi, nên không cần ghi 18 đâu, chỉ cần ghi chấm chấm chấm là được, là Hữu phần trở lại, tức là trở lại Tâm hộ kiếp (Hữu phần) đó.

Người nào bình thường mà bị Tâm hộ kiếp chen vào càng nhiều thì suy nghĩ của mình chậm lắm. Còn nếu như mình là người nhanh thì nó quay vòng tiếp, lặp lại vòng này liền. Còn không là nó cứ chen liên tục, chen một trời Tâm hộ kiếp, rồi một hồi mới suy nghĩ nữa thì mình rất chậm.

Cho nên tại sao có nhiều người đi học thông minh, nhanh. Bởi vì suy nghĩ nhanh, nó đâu có chen vào nhiều Tâm hộ kiếp ở trong đó. Nó liên tục, liên tục, cứ 17 sát-na tâm này rồi 17 sát-na tâm tiếp, tiếp, tiếp, tiếp... toàn là những tâm suy xét tình huống mới. Ví dụ như lúc đó thấy tai nạn giao thông, thì nó suy xét tiếp là bây giờ phải như thế nào, phải cứu người, thế này thế kia... Còn người mà Tâm hộ kiếp nhiều thì lúc đơ đơ, đơ đơ ra, một hồi mới bắt đầu suy nghĩ. Quý vị hiểu không? Đó là do tu tập, quả báo tâm của đời quá khứ và hiện tại nữa.

Cho nên ở trong Vi Diệu Pháp nói rõ là nếu muốn tâm mình thông minh, suy nghĩ nhanh, thì quý vị cũng phải tu thiền định, đặc biệt Thiền chỉ nhiều thì tốt. Thiền quán cũng được, nhưng Thiền quán thì chậm hơn. Còn Thiền chỉ thì rõ hơn. Cho nên tại sao phải tu Thiền là vậy.

Như vậy quý vị thấy rõ ràng chưa? Ở đây trong trường hợp này thì Thiện Trang có để lưu ý cho quý vị:

***Lưu ý tâm Na cảnh có thể là hữu nhân hay vô nhân tùy trường hợp (học sau).**

Ở trong trường hợp này là mình đưa vô trường hợp hữu nhân, nhưng nhiều khi có trường hợp không có hữu nhân đâu, có thể là vô nhân. Cho nên là tâm có lúc thì có hữu nhân. Mình chưa học tới tâm đó, từ từ mình học sau.

Còn bây giờ mình đưa ra nếu là bậc Thánh nhân thì trong tình huống thấy tai nạn như vậy sẽ như thế nào?

****Nếu là bậc Thánh nhân thì trong tình huống thấy tai nạn như vậy sẽ như thế nào?**

Thánh nhân, ở đây chúng ta tạm đưa ra bốn bậc Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, và Tứ quả A-la-hán. Phật thì cũng hơn A-la-hán mà, cho nên mình cứ thế lấy A-la-hán là căn cứ. Phật là từ A-la-hán trở lên mà. Bây giờ nếu bậc Thánh nhân thì sao? Ví dụ như Tu-đà-hoàn thấy cảnh tai nạn thì có sợ hay không? Có khởi lên Tâm sân đó hay không? Vì Tu-đà-hoàn vẫn có Tâm sân mà, đúng không? Mình hãy suy xét xem, theo quý vị đoán thì Tu-đà-hoàn có sợ không? Tu-đà-hoàn trong trường hợp thấy cảnh tai nạn giao thông, máu me đổ ra đường, giả sử như thế, thì Tu-đà-hoàn có sợ không? Rồi Tư-đà-hàm có sợ không? A-na-hàm có sợ không? A-la-hán có sợ không? Nếu ai trả lời đúng được bốn điều này thì quý vị học rất khá, rất giỏi, quý vị nắm rất rõ.

Cho nên mình học một hồi là mình biết hết, mình không sợ ai lừa mình được hết. Còn mình học mơ mơ màng màng, rồi người ta nói tào lao thì mình mới bị lừa, vô trong đó mình cũng không biết nữa. Còn ở đây mình học rất rõ.

Bây giờ Thiện Trang đưa ra tình huống: Nếu là bậc Thánh nhân, trong tình huống tai nạn này thì sẽ như nào? Bây giờ quý vị đoán coi Tu-đà-hoàn có sợ không?

Đầu tiên mình coi Tu-đà-hoàn đã bỏ được mấy tâm trong 12 Tâm bất thiện? Trong 12 Tâm bất thiện, thì Tu-đà-hoàn đã bỏ được 5 tâm, gồm: 4 Tâm tham hợp Tà kiến. Tức là trong Tâm tham hợp Tà kiến có bốn loại: là thọ hỷ và thọ xả, và hữu trợ/vô trợ. Và bỏ thêm được 1 Tâm si hợp hoài nghi. Như vậy là Tâm sân còn, Tâm sân còn thì Tu-đà-hoàn thấy cảnh đó vẫn sợ chứ, không thể không sợ được, vì Tâm sân còn mà. Có sợ, nhưng sợ ít hay sợ nhiều thôi, Tu-đà-hoàn là ít sân, bớt rồi đó.

Rồi mình nói Tư-đà-hàm có sợ hay không? Tư-đà-hàm cũng chưa hết sân mà đúng không? Đấy! Cho nên vẫn có thể [sợ], nhưng ít hơn một chút, có khả năng giảm được sân. Còn A-na-hàm? A-na-hàm thì chắc hết sợ rồi, tại vì sao? Vì A-na-hàm hết sân rồi. Rồi A-la-hán thì hết sợ luôn đúng không? A-la-hán, có bài kinh nói có hai loại không sợ cơn sét, đó là con voi thuần chủng và vị A-la-hán.

Quý vị nhớ không? Có bài kinh đó đó. Quý vị coi hình như trong Tăng Chi hay Kinh Tương Ưng gì đó, Thiện Trang quên rồi. Có hai loại không sợ sét: Một là con voi thuần chủng, hai là vị A-la-hán. A-la-hán là không có sợ luôn, sét đánh còn không sợ nữa. Đó là trong kinh. Ở trong Giới luật cũng có một câu chuyện, nói có một cơn sét đánh xuống, thì vị A-la-hán ngồi tĩnh tọa, không sao hết. Còn các vị tỳ-kheo khác thì chạy toán loạn, vì Hữu học còn sợ.

Quý vị thấy không? A-la-hán là cỡ đó, chứ mình không học rồi mình không biết gì hết, mình cứ coi thường. Cho nên nhiều khi tôn vinh người ta là Thánh nhân, nhưng thật ra người ta có phải là Thánh nhân hay không? Có phải Phật, Bồ-tát tái lai hay không? Phật, Bồ-tát tái lai là cao hơn A-la-hán, mà còn sợ này sợ kia, cho nên vô lý.

Bây giờ chúng ta coi nha! Thiện Trang làm sẵn như thế này:

Sát-na	Tu-đà-hoàn	Tư-đà-hàm	A-na-hàm	A-la-hán
...				
1	Bhavaṅga	Bhavaṅga	Bhavaṅga	Bhavaṅga
2	Bhavaṅga calana	Bhavaṅga calana	Bhavaṅga calana	Bhavaṅga calana
3	Bhavaṅga uccheda	Bhavaṅga uccheda	Bhavaṅga uccheda	Bhavaṅga uccheda
4	Ngũ môn hướng tâm	Ngũ môn hướng tâm	Ngũ môn hướng tâm	Ngũ môn hướng tâm
5	Nhãn thức	Nhãn thức	Nhãn thức	Nhãn thức
6	Tiếp thọ	Tiếp thọ	Tiếp thọ	Tiếp thọ
7	Suy đặc	Suy đặc	Suy đặc	Suy đặc
8	Xác định	Xác định	Xác định	Xác định

9-15	Javana) Có thể khởi: - Tâm sân nhẹ + bhaya (sợ hãi) Hoặc- Tâm đại thiện với từ bi	Rất ít khi sợ hãi, thường khởi tâm từ bi (đại thiện)	Tuyệt đối không sợ, khởi tâm đại thiện/xả (từ, bi hoặc tâm xả sáng suốt)	Khởi tâm quả (kiriya citta) :- Không sợ- Không từ bi Hữu lậu- Tâm thanh tịnh vô nhiễm
16-17	(Tadārammaṇa)Duy trì đối tượng: tâm thiện hoặc bất thiện nhẹ	Duy trì từ bi/xả	Duy trì xả/từ bi thanh tịnh	Duy trì bằng tâm quả vô nhiễm
...	Bhavaṅga trở lại	Bhavaṅga trở lại	Bhavaṅga trở lại	Bhavaṅga trở lại

Cột đầu tiên là Sát-na; cột thứ hai là Tu-đà-hoàn; cột thứ ba là Tư-đà-hàm; cột thứ tư là A-na-hàm; cột thứ năm là A-la-hán. Chúng ta xem nha! Giống như trên. Chúng ta coi mấy chữ này: Bhavaṅga là Hộ kiếp. Ở [các cột] đều giống nhau. Rồi Bhavaṅga calana là Tâm hộ kiếp này chuẩn bị dao động. Rồi Bhavaṅga uccheda là dứt dòng Tâm hộ kiếp. Ba dòng Tâm hộ kiếp này giống nhau. Thứ tư là Ngũ môn hướng tâm, đây thậm chí là khai nhãn môn. Thật ra khai nhãn môn thì cũng giống nhau hết. Bắt đầu nhãn thức hoạt động là sát-na thứ thứ. Sát-na thứ sáu là tiếp thọ hay tiếp nhận cảnh đó. Các vị này (Tu-đà-hoàn đến A-la-hán) đều giống nhau hết. Bắt đầu là suy xét (suy đặc). Cho nên Thánh nhân và phàm phu cũng giống nhau [ở những sát-na tâm này] đúng không? Suy đặc lần một rồi bắt đầu xác định coi cảnh đó là cảnh gì.

Bây giờ bắt đầu tạo nghiệp hay không là ở sát-na thứ chín trở đi. Sát-na 9 - 15, 7 sát-na này. Mình viết (javana) như vậy cho ngắn. Ở bậc Tu-đà-hoàn, thì có thể khởi Tâm sân nhẹ + sợ hãi, nhưng cũng có khi do họ tu tốt nên họ khởi tâm đại thiện với từ bi. Có thể xảy ra hai trường hợp, chứ không phải là chắc chắn sân, nhưng có. Quý vị nói Tâm sân là có thể [khởi], thì tùy nha. Nhưng đôi

khi họ khởi tâm đại thiện, từ bi, [và] họ bình tĩnh. Đó là tùy theo công phu của mỗi người.

Còn bậc Tư-đà-hàm thì rất ít khi sợ hãi, họ thường khởi tâm từ bi (đây là Tâm đại thiện, mai một mình sẽ học). Còn bậc A-na-hàm vì hết sân rồi nên tuyệt đối không có sợ hãi, chỉ có khởi Tâm đại thiện với thọ xả (từ, bi hoặc tâm xả sáng suốt). Có nghĩa là họ cũng không khởi luôn tâm [sợ hãi], họ rất sáng suốt. A-na-hàm là cỡ đó rồi đó, chứ không phải đùa đâu. Quý vị mà còn giật mình, sợ, thì là hàng phàm phu hết đúng không? Còn mấy hàng phàm phu [sợ] quá trời.

Tiếp tục là A-la-hán thì khởi Tâm quả thôi, không sợ. Quý vị nhớ là A-la-hán, dù có sét đánh còn không sợ nữa. Không có từ bi Hữu lậu, chỉ có tâm thanh tịnh vô nhiễm. Từ bi (ở bậc Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm) là từ bi Hữu lậu (Tâm đại thiện). Còn A-la-hán là Tâm duy tác, cho nên không có, chỉ có tâm thanh tịnh vô nhiễm.

Quý vị thấy bậc A-la-hán chưa? Cho nên hôm bữa thứ hai vừa rồi, có người hỏi là: “Làm sao con đi, con thấy cảnh khổ hay cảnh gì đó mà con có thể chứng quả được?” Đáp án là quý vị phải sống trong các pháp, thấy Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, Tam pháp ấn đó. Quý vị thấy được như vậy, quý vị luôn luôn sống rõ ràng như vậy, quý vị thấy cảnh đó bình thường, trơ trơ ra. Lúc nào gặp cảnh gì thì quý vị cũng nhớ đến Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, đừng thấy thế gian này là thật. Đừng chạy vô tâm sân, tâm bi lụy, toàn những tâm xấu không, thì quý vị là phàm phu thôi. Quý vị vẫn chưa thấy được con mình không phải là con mình, thì quý vị đâu có vô ngã đâu. Thấy các pháp như đâu phải như pháp đâu, quý vị đâu thể thấy như thật đâu. Quý vị thấy toàn qua lớp mê, con mình là con mình, chồng mình là chồng mình, nhà mình là nhà mình, cha mẹ mình là cha mẹ mình thôi. Quý vị thấy như phàm phu mà. Rồi thân mình là thân mình, suốt ngày quý vị vẫn là phàm phu thôi.

Còn bao giờ quý vị thấy những chuyện gì cũng nhận thức là thân này không phải là ta, vợ chồng cũng phải vợ chồng mình, chỉ giả danh đời này đến gặp nhau, nhân duyên như vậy. Lúc nào cũng sống thường trực như vậy, tâm lúc nào [cũng như vậy], gọi là thường trực Tam Bảo hiện tiền. Quý vị sống như vậy thì quý vị thành Thánh nhân. Đó là quý vị đi con đường Tùy tín hành, Tùy pháp hành, thì

trước sau gì quý vị cũng dứt được hết [khổ], rồi quý vị sẽ đắc được Tu-đà-hoàn thôi. Còn bây giờ mình cứ thấy thật [không à].

**“Con ta, tài sản ta,
Người ngu sanh sầu não.
Đến ta còn không có,
Con đâu tài sản đâu”.**

Đó là đức Phật nói trong Kinh Pháp Cú, không phải Thiện Trang nói đâu. Nhiều thứ bị sai lầm. Như vậy ở đây rõ ràng rồi, chúng ta thấy bậc Thánh nhân khác [phàm phu] rồi nha.

Sát-na 16; 17 thì trở về tâm duy trì đối tượng. Tâm này là Na cảnh đó, tâm thiện hoặc bất thiện nhẹ. Đây là Tu-đà-hoàn đã như vậy rồi. Còn [Nhị quả] thì thường khởi tâm từ bi, ít khi sợ hãi lắm, Nhị quả rồi mà. Nên quý vị thấy khả năng của Nhị quả cũng ghê đúng không? Tam quả thì duy trì tâm xả, từ bi thanh tịnh. Còn A-la-hán là duy trì bằng Tâm quả vô nhiễm luôn. A-la-hán được như vậy đó, ghê chưa? Rồi cuối cùng là trở lại Tâm hộ kiếp.

Đem ra một bài test thôi, hỏi kiến thức thế nào. Cho nên học tới đây, mình học từ từ, ôn tới ôn lui rồi quý vị cũng nhớ thôi. Hôm nay biết sợ hãi là thuộc về Tâm sân, và chúng sanh nào sợ hãi. Học như vậy thì mới biết.

Sẵn đây, nếu còn thời gian thì học tâm cười với tâm khóc nữa. Bây giờ chúng ta học vào phần mục B3 là Tâm tố Vô nhân (tố hay tác thì bên chữ Hán là một). Ba tâm này cũng thuộc Tâm vô nhân. Quý vị lưu ý ở trên mình học vừa rồi là 15 tâm cũng là Tâm vô nhân, gồm có: 7 Tâm quả Bất thiện Vô nhân và 8 Tâm quả thiện Vô nhân. Bữa nay học thêm 3 Tâm tố [Vô nhân] nữa là hết Tâm vô nhân rồi.

B3. Tâm tố Vô nhân (Ahetuka kiriya citta) có 3.

+Định nghĩa: “Tâm chỉ làm phận sự của mình mà không có nhân, hay căn tương ưng cùng sanh. Hay là tâm làm việc mà chỉ là làm chứ không có nhân tương ưng hợp”.

Định nghĩa vậy đó, ngôn ngữ khó hiểu nhưng định nghĩa thế này: Ba tâm này chỉ làm việc, chứ không liên quan đến tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si. Vì không liên quan đến những thứ đó nên gọi là Tâm vô nhân. Mà nó làm việc nên gọi là Tâm tố. Trong chữ Hán, tố hay tác cũng là một thôi; tác hay tố là làm việc. Chúng ta hiểu tác hay tố rồi, người ta thích đọc chữ tố, nếu để cho Thiện Trang thì Thiện Trang sẽ đọc chữ tác cho mọi người quen. Nhưng chắc hồi xưa người ta thích chữ tố hơn, nên quất vô. Bây giờ những dịch giả lớn dịch như vậy thì mình đọc theo như vậy. Chứ bây giờ mình sửa đi thì khác người quá, rồi mọi người không hiểu.

+ **Có chú giải rằng: Tâm làm chỉ là làm nên gọi là tố, hạnh, duy tác** (có khi gọi là tâm tố, có người dịch là tâm hạnh, hay là duy tác, có nhiều cách dịch. Vì chữ Pali dịch sang khó dịch lắm, nên người ta dịch mỗi người mỗi kiểu. [Có] khi gọi là tố, có khi gọi là tác. Chữ duy tác tức là chỉ làm, tâm chỉ làm thôi) **v.v... tợ như trốn chạy, hay như con quay xoay theo sức đánh.** (Những ví dụ này cũng chỉ rõ ràng).

***Tâm quả (*vipāka citta*) và tâm tố (*kiriya citta*) là những Tâm vô ký, chúng không tạo thành nghiệp, không sản sinh ra nghiệp quả.**

Ở trên chúng ta học 15 Tâm quả Vô nhân, sau này còn Tâm quả Hữu nhân nữa. Nói chung 18 tâm này, chúng ta biết chúng không tạo thành nghiệp, không sản sinh ra nghiệp quả. Nhớ vậy! Hiểu vậy là được rồi.

Bây giờ ở đây có 3 tâm thôi chứ không nhiều lắm đâu, 3 tâm hồi này mình đã giới thiệu rồi.

Tâm tố Vô nhân có 3	TT	Loại	Thọ
	1	Tâm khai Ngũ môn	Xả
	2	Tâm khai Ý môn	Xả
	3	Tâm tiểu sinh	Hỉ

Tâm tố Vô nhân có 3:

1. Tâm khai Ngũ môn: Khai ngũ môn tức là mở ra cửa của mắt (giống như trường hợp trên). Quý vị ở trên (trong Lộ trình tâm) sát-na tâm thứ 4 là Ngũ môn hướng (khai) tâm, thật ra là Tâm khai Nhãn môn, vì mắt hướng về cảnh mà, mắt thấy cảnh tai nạn. Mắt thì thấy sắc, tai thì nghe tiếng, cho nên tùy theo loại mà mình đưa ra. Năm điều đó gọi chung là Tâm khai Ngũ môn, thật ra là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, [thân]. Nó chỉ chung, nên mình để chữ chính xác là Ngũ môn. Quý vị hiểu không? Ngũ môn là như vậy, nhưng Thiện Trang viết [là] chữ nhãn thì quý vị dễ phân biệt, thực tế là Ngũ môn nhưng nó dùng về mắt.

Còn khi nào dùng tai thì cũng vẫn là Ngũ môn thôi, cho nên năm thứ đó gọi chung, đặt một tên thôi, gọi là một tâm thôi. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Tâm mà để mở các cửa đó gọi là Tâm khai Ngũ môn. Mở cửa con mắt, mở cửa tai, bắt đầu nó làm việc. Tâm này là thọ xả và đây là Tâm tố Vô nhân, tức là nó không tạo thành nghiệp gì hết, nó chỉ làm việc thôi.

2. Tâm khai Ý môn: cũng giống như trên, nhưng bây giờ là trường hợp khai ý. Ý nghĩa là sao? Là có những trường hợp mình không cần cảnh đâu, quý vị suy nghĩ điều gì đó thì quý vị mở dòng suy nghĩ đó bằng cách nào, thì tâm đó gọi là Tâm khai Ý môn.

Ví dụ như tôi ngồi bình thường, tôi nhắm mắt, tôi có thấy cảnh gì đâu. Nhưng tự nhiên lúc đó tôi nhớ đến chuyện năm nào, năm đâu năm đâu nào đó, rồi suy nghĩ đến pháp nào đó, thì đó là khai ý môn, bắt đầu mở cửa ý gọi là Tâm khai Ý môn. Các cửa trên là năm loại, thì [Tâm khai] Ngũ môn là một loại tâm. Còn [Tâm khai Ý môn] này cũng là một loại tâm về ý, và đều là thọ xả hết. Cũng dễ hiểu, vì lúc đó đều là thọ xả thôi, đang như vậy mà.

3. Tâm tiểu sinh: tức là tâm sinh ra cười (#tiểu là cười), và [tâm] này là thọ hỷ. Trường hợp tâm này là của tâm nào? A-la-hán thường hay có tâm này. A-la-hán có cười kiểu này. Chúng ta có 3 loại tâm này nữa thôi.

Như vậy cộng lại là: **18 thứ tâm vô nhân: 7 dị thực quả bất thiện (đã học), 8 dị thực quả thiện (phước) (đã học), 3 tâm tố Vô nhân.**

Bây giờ chúng ta học từng [tâm], học nhanh lắm, vì [các tâm] này không có gì khó hết.

1. Tâm khai Ngũ môn thọ xả (*Upekkhāsahagatam pañcadvārāvajjana cittam*)

+Định nghĩa: Tâm khai (hướng) Ngũ môn là tâm lộ sanh trước hết để làm dịp cho ngũ song thức sanh, như kẻ mở 5 cửa cho những người liên quan đi qua, chẳng khác gì kẻ gác 5 cửa gặp khách trước hơn hết.

Tức là tâm này giống như mở cửa cho mắt, mở cửa cho tai làm việc, mở cửa cho mũi làm việc, mở cửa cho lưỡi làm việc, mở cửa cho thân mình làm việc, [mở] cái đó là để bắt cảnh, gọi [là] Khai ngũ môn.

Nó hướng về điều gì? Lúc quý vị thấy, có thể mắt chúng ta thấy cảnh, tai nghe tiếng v.v... thật ra là những cảnh đó đập tới cùng lúc. Nhưng thực tế trong một lúc chỉ có một giác quan đó làm việc thôi. Mắt thì thấy cảnh, tai nghe tiếng, nhưng thực ra mỗi cái đó làm việc mỗi lúc thôi, chứ không thể làm cùng một lúc đâu. Nhưng tại vì nhanh quá nên mình tưởng là mình vừa nghe, mình vừa thấy. Thực ra là cái này làm việc thì cái kia không làm việc, cảnh nào mạnh thì nó làm việc, đó là chúng ta đã học ở phần Luận Câu Xá. Tâm khai Ngũ môn là hướng về, cho nên nó ở đầu tiên.

+Tâm khai ngũ môn trong lộ ngũ môn sanh trước hơn hết để bắt 5 cảnh hiện tại mới đến.

+Tâm này cũng được gọi là tác ý thành lộ (*vithīpaṭipādakamanasikāra*) (sau này nếu ai đọc chữ ‘tác ý thành lộ’ thì nhớ là nằm trong [bài] này), **vì nếu không có tâm này sanh ra thì tâm lộ ngũ môn sẽ không sanh.** (Tâm lộ là lộ trình tâm, là năm cửa đó sẽ không sanh).

Cho nên làm cho tâm lộ (tức lộ trình tâm) thành trật tự, nên gọi là tác ý thành lộ.

Nói chung đây là định nghĩa thêm thôi, quý vị chỉ cần nhớ tâm này mở hướng cho năm giác quan.

Điều này thì dễ rồi! Giống như trong trường hợp trên thì đầu tiên là nó mở cửa để mắt thấy cảnh tai nạn giao thông, hoặc đầu tiên có thể là nghe tiếng ầm trước. Khi nghe tiếng đó thì thật ra là nó khai mở để cho tai nghe trước, rồi

tiếp theo hết lộ trình nghe [tiếng] âm đó rồi, bắt đầu nó mở lộ trình tiếp theo là cho mắt thấy cảnh. Quý vị hiểu không ạ? Nó từng tầng như vậy.

Ví dụ như xe đó chở toàn đồ hôi thối, đổ xuống đó. Lúc đó nếu sợ hãi quá là không nghe mùi đâu, nhưng lát sau mùi đó mới nghe được, thì lúc đó là Tâm khai Tỉ môn bắt đầu hoạt động, mới đưa tới cảnh mùi.

2. Tâm khai Ý môn thọ xả (*Upekkhāsahagatam manodvārāvajjana cittam*). (Nói chung mấy tâm này đều là thọ xả, quý vị nhớ đa số là thọ xả).

+Định nghĩa: Tâm khai ý môn (*manodvārāvajjana*) là tâm làm việc khai môn (*dvārāvajjana*) nương theo lộ ý (*manodvāra vīthi*) (tức là lộ trình của ý), **nếu sanh theo lộ ngũ (*pañcadvārāvajjana*) thì làm việc xác định (đoán định: *voṭṭhapana*)** (tức là nếu theo lộ ngũ thì theo ở trên [là] Ngũ môn đó).

+Có chú giải rằng: Tâm này nếu sanh theo lộ ngũ thì đoán định, còn sanh theo lộ ý thì khai môn. Tức là ở trên chúng ta thấy có tâm gọi là Tâm xác định (đoán định), nhưng lộ ý thì đâu có cảnh gì, trên dưới đâu có tiếp nhận gì, tới đây là khai ý môn luôn, nó tự suy nghĩ ra luôn. Điều đó là nó thay tâm chỗ đó.

+Có chú giải rằng: Làm dịp cho tâm đồng lực phát sanh thì được gọi là tác ý thành đồng lực, tức là tâm khai ý môn. Nói chung cũng giải thích vậy thôi.

+Nhân trợ sanh Tâm khai ngũ môn và đoán định thì giống như nhân trợ sanh ngũ song thức và tiếp thâu, thẩm tấn, tùy theo lộ của môn.

Có mấy nhân trợ sanh, bữa trước mình coi, ví dụ như cảnh, đối tượng, có chủ ý v.v... Còn mắt muốn thấy thì phải có ánh sáng, tai nghe thì phải có hư không. Quý vị coi lại mấy điều đó, vì không quan trọng lắm nên Thiện Trang nói qua.

Bây giờ mình học tới [Tâm] tiểu sinh này để xác định phạm phu hay Thánh nhân, ở chỗ Tâm tiểu sinh này.

3. Tâm tiểu sinh thọ hỷ (Somanassasahagataṃ hasituppāda cittaṃ).

Tâm tiểu sinh là tâm để mình sinh ra cười.

+ Định nghĩa: Tâm tiểu sinh (*hasituppādacitta*) là tâm sai khiến sự cười hớ răng (mỉm cười) của bậc A-la-hán. Tâm này là tâm của bậc A-la-hán.

+Tâm này sanh được qua cả 6 môn của bậc Tứ quả, chớ chẳng phải thông thường cho các bậc khác.

Tức là Tâm tiểu sinh này là chỉ A-la-hán có thôi. Thực ra không phải A-la-hán nhưng chúng ta cứ tạm hiểu như vậy, tâm này được sanh ra 6 môn luôn. Tức là thấy cảnh vui thì A-la-hán được cười chứ. Mắt cũng thấy, tai nghe, mũi ngửi v.v... nói chung A-la-hán có thể cười được trong mấy trường hợp đó, 6 cảnh.

+Nhân trợ sanh Tâm tiểu sinh cũng như nhân trợ sanh Tâm thẩm tấn, nhưng có cảnh đáng nực cười. (1. Sắc ý vật hay sắc nương Tâm thức; 2. Cảnh; 3. Sự để ý đến cảnh ấy).

Tức là 3 nhân này: Sắc ý vật hay sắc nương theo Tâm thức, tức là nương theo tiếp nhận bên ngoài hay là ở trong ý thức. Rồi thấy cảnh và có sự để ý đến cảnh đó thì mới cười được. Nói tóm lại, tâm này mình hiểu là tâm của A-la-hán đi. Bây giờ mình đến sự cười có 6 kiểu.

Quý vị thấy không? Học Vi Diệu Pháp vui lắm, học kỹ từng điều. Hôm bước mình học [năm] mộng, có đối tượng nào ngủ mơ, năm mơ, rồi bây giờ mình học cười – khóc, ai cười ai khóc, phàm phu nào, Thánh nhân nào còn cười hay còn khóc? Có khóc hay có cười? Chứ không, mình không học [thì] không biết mấy điều này, thì [dễ] bị lừa lắm. Đời nay nhiều người bị lừa lắm, cứ tôn người ta [là] Thánh nhân. Trong khi đó người ta cười như thế nào, người ta khóc như thế nào? Mình là phàm phu hay Thánh nhân cũng biết liền, mình cười như thế nào, mình khóc như thế nào, biết ngay. Bữa nay học 6 kiểu cười.

Thiện Trang chia như thế này: Thứ tự - Tên gọi – Đặc điểm biểu hiện – Loại tâm (theo Vi Diệu Pháp) – Đối tượng cười (ngữ cảnh điển hình) – Trạng thái chánh niệm (có Chánh niệm hay không) – Ai cười (phàm phu hay Thánh nhân).

Sự Cười Có 6 Kiểu

Tên gọi (Pāli)	Đặc điểm biểu hiện	Loại tâm (theo Vi Diệu Pháp)	Đối tượng cười (ngữ cảnh điển hình)	Trạng thái chánh niệm	Ái cười
Atihasita	Cười không ngừng, lớn tiếng, có thể lăn lộn, ra nước mắt	Tâm hỷ cực độ, thiếu chánh niệm, có thể là tâm bất thiện (loạn)	Người điên, xúc động mạnh, mất kiểm soát	Không có	Phàm phu , người loạn tâm
Apahasita	Cười vang to, chuyển động thân thể rõ rệt	Tâm hỷ mạnh, thiếu kiểm soát, có thể đi kèm tham/si	Cười phá lên khi đùa giỡn, bị kích thích mạnh	Không có	Phàm phu
Upahasita	Cười rõ tiếng, kèm cử chỉ thân như gật đầu, rung vai	Tâm hỷ mạnh, có biểu hành thân & khẩu, thiện hoặc pha lẫn tham	Giao tiếp xã hội, vui vẻ, tán thưởng	Thường là có , nhưng yếu	Phàm phu , đôi khi Thánh nhân bậc thấp

Vihasita	Cười nhỏ, phát ra âm thanh nhẹ từ cổ họng	Tâm tịnh hỷ có lời, có thể là thiện hoặc vô tham dục giới	Cười nhẹ khi trò chuyện, phản ứng vui trong chừng mực	Có / Trung tính	Phàm phu, Thánh nhân bậc thấp (Dự lưu, Nhất lai)
Hasita	Cười hé môi, răng hơi lộ, không phát âm thanh	Tâm tịnh hỷ sâu hơn, có thể là thiện tâm có trí	Niềm vui nhẹ nhàng, tỉnh lặng, đôi khi trong thiền định	Có	A-la-hán, các Thánh nhân
Simita	Mỉm cười nhẹ, môi nhếch lên, không có âm thanh	Tâm tịnh hỷ (somanassa), vô khẩu hành, có trí, có tỉnh giác	Hài lòng nhẹ, từ bi, nội tâm an lạc	Có	A-la-hán, các Thánh nhân, hành giả chánh niệm

1. Atihasita: là cười không ngừng, lớn tiếng, có thể lẫn lộn, ra nước mắt. Cười đến mức độ cỡ đó thì loại tâm theo Vi diệu pháp là gì? Tâm hỷ cực độ, thiếu chánh niệm, có thể là tâm bất thiện (loạn). Đối tượng là người điên, xúc động mạnh, mất kiểm soát. Trạng thái về chánh niệm là không có. Ai cười kiểu này? Phàm phu, người loạn tâm.

Quý vị có cười vậy không? Nếu quý vị có cười như thế này, cười đến mức độ lớn tiếng ầm ầm mà quý vị cười đến lẫn lộn, có thể cười ra nước mắt, có thể

không ra nước mắt nhưng lẫn lộn, thì cười cỡ đó chỉ có người điên thôi, phàm phu, người loạn tâm, người mất kiểm soát, không có chánh niệm.

Quý vị thấy không? Chắc không đến nỗi đó đúng không? Chỉ có mấy người điên mới cười cỡ đó, hoặc là người mất kiểm soát, mất chánh niệm. Cho nên có khi người điên họ cười, hoặc là phàm phu nhưng lúc đó bị loạn tâm. Thánh nhân thì không cười kiểu đó.

2. Apahasita: là cười vang to, chuyển động thân thể rõ rệt. Quý vị có cười kiểu này đúng không? [Cười đó là] Tâm hỷ mạnh (cực độ), thiếu kiểm soát, có thể đi kèm tham hoặc si. Tức là trong trường hợp tham hoặc si thì có thể cười kiểu này, tâm tham và tâm si đó. Cười phá lên khi đùa giỡn, bị kích thích mạnh. [Kiểu] cười này là không có chánh niệm. Ai cười? Phàm phu thôi, Thánh nhân không cười kiểu đó.

Quý vị thấy có những người cười ha hả lên, rồi kêu là tu Tịnh Độ, tu [pháp] gì đó, cười cho đã, vì vui, rồi cuối cùng mình biết người ta là thế nào. Quý vị là phàm phu thì quý vị mới cười kiểu đó, Thánh nhân không cười kiểu đó. Học nữ cười thôi cũng biết người ta là phàm phu hay Thánh nhân, mình cũng vậy. Thiện Trang thấy có những đồng tu có cười như vậy nè, chứng tỏ người ta chưa vô hàng Sơ quả, [chỉ có] phàm phu cười kiểu đó thôi.

Tiếp theo là cười to vang, chuyển động thân thể rõ rệt. Có nhiều người cười kiểu này. Cho nên quý vị hỏi quý vị có vào Thánh nhân chưa? Người ta tu có tri kiến là người ta biết, người ta khác ngay chỗ đó.

3. Upahasita: là cười rõ tiếng, kèm cử chỉ thân như gật đầu, rung vai (tức là nhẹ hơn cười vừa phải thôi). Tâm hỷ mạnh, có biểu hành thân và khẩu, thiện hoặc pha lẫn tham. Đối tượng là giao tiếp xã hội, vui vẻ, tán thưởng. Chánh niệm lúc này là thường là có, nhưng yếu. Phàm phu, đôi khi Thánh nhân bậc thấp. Thánh nhân bậc thấp là Sơ quả vẫn có thể cười như vậy. Còn kiểu cười mất kiểm soát, cười kiểu kia là xong, là phàm phu chắc luôn. Cho nên quý vị thấy từ đó mình mới đánh giá được chứ.

4. Vihasita: là cười nhỏ, phát ra âm thanh nhẹ từ cổ họng. Tâm tịnh hỷ có lời, có thể là thiện hoặc vô tham dục giới (thực ra cười như vậy là [tâm] tịnh rồi

đó). Cười nhẹ khi trò chuyện, phản ứng vui trong chừng mực. Trường hợp này có thể có chánh niệm hoặc trung tính, không rơi vào bất thiện, không phải không có chánh niệm đâu. Phàm phu và Thánh nhân bậc thấp, cụ thể là bậc Tu-đà-hoàn hoặc Tư-đà-hàm (Dự lưu, Nhất lai) thì có thể cười dạng này. Cho nên cười cũng phân biệt được Thánh nhân hay phàm phu. Quý vị thấy không? A-la-hán không cười như vậy.

5. Hasita: là cười hé môi, răng hơi lộ, không phát âm thanh. Tâm tịnh hỷ sâu hơn, có thể là thiện tâm có trí. Niềm vui nhẹ nhàng, tĩnh lặng, đôi khi trong thiền định (có trường hợp thiền định có thể cười kiểu này). [Cười kiểu] này có chánh niệm. Các [bậc] Thánh nhân, A-la-hán, người có thiền định cười kiểu này, chứ không có chuyện A-la-hán mà cười hô hố nha. Quý vị thấy rõ ràng A-la-hán không cười ra tiếng, chỉ hé môi mỉm cười nhẹ, khẽ lộ răng ra.

6. Simita: là mỉm cười nhẹ, môi nhếch lên, không có âm thanh. Hai trường hợp này đều không có âm thanh. Tâm tịnh hỷ (somanassa), vô khẩu hành, có trí, có tỉnh giác. Hài lòng nhẹ, từ bi, nội tâm an lạc. Có chánh niệm. A-la-hán, các Thánh nhân, và những hành giả chánh niệm. Thật ra đã tu đến có chánh niệm thì mới duy trì được cười kiểu này. Quý vị để ý thôi thì cũng biết.

Ở đây, thêm chi tiết nữa:

+Càng tiến gần Thánh quả thì nụ cười càng nhẹ, ít biểu hiện, và đi kèm Chánh niệm sâu sắc. Ai tu sắp đắc đạo hay không thì biết liền, quý vị thấy điều này rõ ràng.

+Càng là phàm phu, cười thường mạnh, ồn ào, dễ mất kiểm soát, và thiếu chánh niệm.

+Bậc A-la-hán chỉ cười với Simita và Hasita, vì hai loại này phù hợp với trạng thái vô tham, vô sân, vô si, và chánh niệm hoàn toàn. Cho nên A-la-hán cười chỉ có hai hạng sau thôi.

Bây giờ chúng ta nói sự khóc. Khóc cũng có 6 kiểu. Cũng giống như trên gồm: Thứ tự - Tên gọi - Đặc điểm biểu hiện - Loại tâm - Thọ (thêm thọ cho rõ) - Trạng thái chánh niệm - Ai khóc (phàm phu hay thánh nhân).

Sự Khóc Cũng Có 6 Kiểu

TT	Tên gọi mô tả	Đặc điểm biểu hiện	Loại tâm (theo Vi Diệu Pháp)	Thọ	Trạng thái chánh niệm	Ai khóc
1	Khóc vì sân (khổ đau, tức giận)	Khóc thành tiếng, mặt nhăn nhó, thân run rẩy, có phản ứng chống đối hoặc than trách	Tâm sân (paṭigha-citta) , bất thiện	Khổ, ưu (domanassa)	Không có	Phàm phu , người sân hận, đau buồn
2	Khóc vì si (mất kiểm soát)	Khóc nức nở, không rõ lý do, xúc động mù mờ, mất tỉnh táo	Tâm si (moha-citta) , vô nhân, bất thiện	Hỷ / Khổ / Xả	Không có	Phàm phu , người loạn tâm

3	Khóc vì tham luyến	Khóc vì nhớ nhung, luyến ái, muốn giữ chặt điều gì (ví dụ: người thân, kỷ niệm...)	Tâm tham (lobha-mūla-citta), bất thiện	Hỷ (somanassa)	Có thể yếu	Phàm phu, người có dính mắc
4	Khóc vì vui mừng quá độ	Vui đến phát khóc, nước mắt chảy khi gặp lại người thân, được tin tốt	Tâm thiện hoặc tham, tùy có trí tuệ hay không	Hỷ	Có / Không tùy trường hợp	Phàm phu, đôi khi Thánh nhân bậc thấp
5	Khóc vì từ bi, trí tuệ	Nước mắt nhẹ, gương mặt bình an, xúc cảm sâu sắc trước khổ đau hoặc chân lý	Tâm thiện dục giới có trí (ñāṇa-sampayutta)	Xả hoặc hỷ	Có	Bậc Thánh Hữu học, hành giả chánh niệm

6	Khóc trong thiền định	Nước mắt tự rơi trong tỉnh thức sâu, không xúc động rõ rệt	Tâm thiện thiện, có tuệ, hoặc xả ly	Xả hoặc hỷ	Có sâu sắc	Hành giả thiền, bậc Thánh Hữu học
---	------------------------------	--	--	-------------------	------------	--

1. Khóc vì sân (khổ đau, tức giận): Khóc thành tiếng, mặt nhăn nhó, thân run rẩy, có phản ứng chống đối hoặc than trách. Loại tâm là Tâm sân (paṭigha-citta), bất thiện. Thọ: Khổ (thân thọ khổ), ưu (tâm thọ ưu) (domanassa). Chánh niệm có không? Không có. Ai khóc kiểu đó? Phàm phu, người sân hận, đau buồn. Quý vị khóc như thế thì quý vị là phàm phu chắc luôn.

2. Khóc vì si (mất kiểm soát): Khóc nức nở, không rõ lý do, xúc động mù mờ, mất tỉnh táo. Bữa nay chúng ta học rất rõ, cập nhật hôm bữa Thiện Trang nói khóc là sân, thật ra thì chỉ mới học ở trên thôi, còn nếu kỹ thì ở đây khóc là vì Tâm si. Loại tâm là Tâm si (moha-citta), vô nhân, bất thiện. Không có chánh niệm. Thọ hỷ (đôi khi vui vẫn khóc)/ Khổ/ Xả. Phàm phu, người loạn tâm. Nói chung người khóc kiểu này là phàm phu chắc luôn.

3. Khóc vì tham luyến: Khóc vì nhớ nhung, luyến ái, muốn giữ chặt điều gì (ví dụ: người thân, kỷ niệm...). Thuộc Tâm tham (lobha-mūla-citta), tâm tham cũng có khóc nha. Ở đây, Vi Diệu Pháp nói phần này rõ hơn, lúc trước mình học [bộ] kia không đủ. Loại tâm là Tâm tham, bất thiện. Thọ hỷ (somanassa), lúc đó khóc là vì thọ hỷ. Có thể yếu về chánh niệm. [Ai khóc kiểu này?] Là phàm phu, người có dính mắc. Nói chung là phàm phu thì mới khóc như vậy.

4. Khóc vì vui mừng quá độ (có nhiều khi vui quá đến mức phát khóc). Vui đến phát khóc, nước mắt chảy khi gặp lại người thân, được tin tốt. Tâm này có thể có Tâm thiện hoặc tham, cho nên người ta nói tham kèm với sân. Nói khóc là sân, thật ra là cũng không kỹ, đây là khóc vì tham thôi, tham cũng khóc, tùy theo có trí tuệ hay không. Thọ là thọ hỷ. [Trạng thái chánh niệm]: Có/Không tùy

trường hợp. Phàm phu, đôi khi Thánh nhân bậc thấp [khóc kiểu này]. Ở đây có thể Thánh nhân bậc thấp như Tu-đà-hoàn cũng có cảm động, có khóc.

5. Khóc vì từ bi, trí tuệ: Nước mắt nhẹ, gương mặt bình an, cảm xúc sâu sắc trước khổ đau hoặc chân lý. Tâm thiện dục giới có trí (ñāṇa-sampayutta). Xả hoặc hỷ. Có chánh niệm. Bậc Thánh Hữu học, hành giả chánh niệm. Tới bậc Thánh Hữu học vẫn có khóc vì từ bi, ví dụ như thương chúng sanh quá [nên] khóc.

Quý vị thấy đức Phật nhập Niết-Bàn, có nhiều đệ tử ngài khóc, Hữu học vẫn khóc, Tam quả vẫn khóc, đấy là tâm thiện. Cho nên vẫn có trường hợp này. Nhưng khóc kiểu này là nhẹ, nước mắt nhẹ thôi, gương mặt bình an chứ không phải kiểu xúc động như kiểu kia, hai kiểu khác nhau. Ở đây là [khóc] trước khổ đau hoặc chân lý, cảm xúc sâu sắc trước khổ đau của người khác hoặc là chân lý. Đôi khi thấy chân lý đúng nên khóc, cho nên khóc kiểu này là cũng khá rồi đó, phải là bậc Thánh Hữu học hay là Hành giả chánh niệm thì mới khóc được như vậy.

Quý vị thấy nhiều khi mình có chánh niệm, mình đọc kinh mình khóc, [là do] có cảm động, cảm xúc với lời pháp v.v... thì lúc đó quý vị cũng khóc, cho nên [kiểu] khóc này cũng tốt rồi. Trong Vi Diệu Pháp chia kỹ hơn, [có] Tâm thiện Dục giới, còn hồi trước Thiện Trang nghe vị Sư kia nói khóc là sân, và một vị Sư khác cũng nói vậy. Nhưng bây giờ Thiện Trang nghe trong Vi Diệu Pháp thì chỗ này không phải là Tâm sân, mà là tâm thiện. Như vậy mới đúng.

6. Khóc trong thiền định: Nước mắt tự rơi trong tỉnh thức sâu, không xúc động rõ rệt (tức là nhiều khi mình đang trong thiền mà cũng có khóc). Loại tâm: Tâm thiền thiện, có tuệ, hoặc xả ly (mình chưa học đến Tâm thiền nên mình không biết, nhưng nói chung mình hiểu là Tâm thiền là có trí tuệ và có xả ly). Thọ: Xả hoặc hỷ. [Trạng thái chánh niệm]: Có sâu sắc. Hành giả thiền, bậc Thánh Hữu học [có khóc kiểu này].

***Lưu ý:**

+ **Khóc không phải là tâm, mà là biểu hiện của tâm đang hiện hành.** Vi Diệu Pháp nói rõ như vậy, đó không phải là tâm, mà chỉ là biểu hiện của tâm đang hiện hành, cho nên nó nhiều quá.

+ **Phân biệt tâm qua thọ, chánh niệm, và động cơ là điểm cốt lõi của Vi Diệu Pháp.**

+ **Bậc Thánh Hữu học có thể khóc, nhưng không bao giờ khóc do sân hay si.** Bậc Thánh cũng khóc, nhưng không phải khóc do sân hay do si.

+ **Bậc A-la-hán, Bích-chi-phật và đức Phật không bao giờ khóc.** Mình nhớ điều đó, [các ngài] không bao giờ khóc.

Cho nên bên Tịnh Độ có người nói: Khi Ma vương Ba Tuần nói là đời sau cho con cháu xuất gia [để phá Phật pháp] thì đức Phật rơi lệ. Điều đó là vô lý, không có chuyện đó, không có trong kinh, trong kinh không có chi tiết đó. Cho nên quý vị đừng nghe người ta nói, có nhiều điều không chính xác, chỉ là truyền miệng thôi. Đức Phật trong đời không bao giờ khóc, A-la-hán cũng không khóc nữa mà. Quý vị coi trong tất cả kinh điển đều như vậy, làm gì có chuyện đức Phật rơi lệ. [Họ nói]: Ma Vương Ba Tuần nói là ta cho con cháu đời sau xuất gia để phá giáo pháp của ông, rồi đức Phật rơi lệ. Như vậy đâu có đúng, đó là nói tầm bậy, cẩn thận coi chừng mình truyền những điều đó. Quý vị mà truyền, xong rồi học không theo kinh điển [mà] nói như vậy, gọi là điều Như Lai không làm mà mình nói là điều Như Lai làm, là nằm trong 10 điều phá hòa hợp Tăng. [Hãy] cẩn thận!

Đức Phật không có chuyện đó. Cho nên các bậc Thánh [như] Bích-chi-phật còn cao hơn A-la-hán nữa, đức Phật cũng vậy. Còn ai mà nói Phật, Bồ-tát tái lai thì phải cao hơn A-la-hán, thì cũng không khóc đâu. Cho nên ai còn khóc là phạm phu hoặc tối đa là đến bậc Thánh Hữu học thôi.

Hôm nay chúng ta học về 6 kiểu cười, 6 kiểu khóc là quý vị nhận định được rõ hơn và cũng từ đó mình kiểm tra được bản thân mình là ai. Không bao giờ ngộ nhận, học [những điều] này làm sao ngộ nhận được, có nhiều người nói mình tẩu hỏa nhập ma rồi mình tăng thượng mạn v.v... Thật ra học điều này làm sao tăng thượng mạn được, quý vị thấy cảnh thiền như thế nào, cảnh tu như thế

nào, tâm ta tới đâu v.v... chính xác. Học như vậy làm sao thể nào lạc đường được. Cho nên đâu cần Kinh Lăng Nghiêm, bên Nam truyền họ đâu cần Kinh Lăng Nghiêm cũng đâu có lạc đường, vì bộ Vi Diệu Pháp quá đầy đủ rồi, còn đầy đủ hơn [kinh] nữa. Còn bên Bắc truyền thì phải nghiên cứu những điều này, thực ra bên Bắc truyền cũng có [những điều này] nằm ở những bộ Luận Duy Thức, nhưng có mấy ai học hết bộ Luận Duy Thức đâu. Cho nên không bao giờ có chuyện mình không thâm nhập Kinh tạng mà mình tu đúng. Khó lắm! Ít người [tu đúng lắm], nhiều nơi cũng không có.

Ở đây, Thiện Trang có gặp một ông người Pháp tuyệt vời, ông có định lắm, mình cảm thấy mình định thua ông nữa. Hôm bữa Thiện Trang chỉ cho ông cách tu Thiền chỉ, tặng cho ông cái bóng đèn để ông tu. Mình dạy cho ông phương pháp dùng bóng đèn tu các biến xứ màu, mình nói trạng thái tu như nào, mình nói đến đâu thì ông hiểu đến đó. Nói một hồi, mình kêu như thế là vô Thiền đó. Ông kêu: Ô! Trạng thái đó tôi vô rồi. Tức là ông ở nhà, ông thiền vô rồi. Quý vị biết ông nhìn màu cái cây thôi mà ông vô thiền được đó. Mà ông chẳng ngồi xếp bằng được như mình, ngồi hai chân kiểu kiết già với bán già không được. Ông ngồi để hai chân nhô lên như vậy mà ông thiền được.

Rồi mình nói nếu thiền được như vậy, Thiện Trang nói là có thể ông phải để điện thoại đi, có việc làm gì thì phải để điện thoại, chứ vô thiền thì thời gian trôi qua nhanh lắm. Mình tưởng mấy phút thôi, có khi mình tưởng 5 phút mà thật ra trôi qua cả tiếng đồng hồ rồi đó. Mình nói vậy thì ông nói: “Ờ! Hèn chi mấy lần tôi đi làm trễ. Tại vì tôi ngồi thấy có chút xiu mà khi ra thì thấy 4 tiếng đồng hồ rồi”.

Quý vị hiểu không? 4 tiếng đồng hồ đó, ông thiền tới 4 tiếng, mình thiền có 2 tiếng là ra mất rồi, hết cỡ rồi. Ông quát một phát luôn 4 tiếng, cho nên ông đi làm trễ. Bữa nay mình chỉ cho ông cách là cài đồng hồ báo thức, muốn thiền bao nhiêu thì ra. [Mình] chỉ hết cách tu Thiền chỉ bằng Biến xứ màu rồi, ông hỏi còn cách khác không, thì chỉ cho ông cách tu Thiền về nước, mở video nước. Mình dạy xong thì ông nói ta biết rồi, ta cũng thiền rồi. Ông chưa học bao giờ mà ông kêu: Ta ra sông, ta ngồi ngoài sông, ta thấy vô như vậy. Xong ta chỉ mấy người khác mà người khác không tin. Thế là ông cũng tu được đề mục thiền về nước

rồi. Mình kêu còn đề mục hư không nữa, mình chỉ cho ổng hư không, ổng nói: “Ở nhà, tao cũng thích ngồi ngắm bầu trời mà bầu trời không có sao nhiều”. Cuối cùng ổng cũng tu Thiền hư không luôn rồi. Tóm lại là ổng tu được mấy đề mục rồi.

Xong rồi mình kêu: Tiếc quá! Bây giờ không dạy được cho ổng Thiền quán, tại Thiền quán khó hơn, phải học kiến thức Khổ - Không - Vô thường - Vô ngã, rồi tùm lum hết thì làm sao mà học, bây giờ khó quá. Mình làm sao diễn đạt qua ngôn ngữ tiếng Pháp dễ như vậy, mình đâu có đủ trình độ. Cho nên kêu bây giờ làm sao giúp ổng, ổng tu cỡ đó. Quý vị thấy định lực của ổng cỡ đó, người ta tu Thiền một cái là 4 tiếng đồng hồ mà không cần phương pháp gì hết, đó là đời trước tu dữ lắm rồi đó. Cho nên quý vị đừng xem thường người ta, cho nên nhiều khi mình tu [không bằng họ]. Những người đó [mà] có người chỉ cho họ là họ vào Thánh nhân rồi, thậm chí họ thành Thánh nhân rồi, họ hiền lắm. Rất tuyệt vời!

Cho nên hôm nay học được những điều này thì quý vị thấy rõ ràng, mình phân biệt được cảnh giới phàm phu và Thánh nhân. Bản thân mình tu tới đâu, mình như thế nào, rõ ràng như vậy. Nếu không học thì uổng phí cuộc đời.

Hôm nay thời gian hết rồi, hẹn quý vị khi khác, thứ Sáu có Học Phật Vấn Đáp, quý vị có vấn đề gì cần hỏi thì hãy vào trong Zoom để hỏi, hoặc có thể bình luận dưới bài này.

A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo”.
A Mi Đà Phật!